

# LỜI NHÌN “Ý THỨC HỆ”

- Lê Việt Thường -

## • DẪN NHẬP

Trong phần trước, chúng tôi đã đề cập đến hiện tượng “Lạm Dụng Chữ Nghĩa” dưới nhiều hình thức khác nhau trong giới Trí Thức “Thuộc Địa”, “Nhược Tiểu” của giai đoạn trước đây, mà do sự kiện một số văn chưa ý thức rõ ràng tính cách Nghiêm Trọng của vấn đề này, do đó tình trạng có vẻ vẫn còn kéo dài cho đến tận hôm nay. Một trong những hình thức “Lạm Dụng” nêu trên là việc “Nhập Cản” một cách Thiếu Căn Trọng. những Từ Ngữ, nhóm chữ... của một nền Văn Hóa KHÁC (thông thường của Tây Phương) vào nền Văn Hóa của nước “Nhược Tiểu” mà đương sự KHÔNG ý thức đến sự Khác Biệt về mặt Phạm Trù Văn Hóa giữa Tây Phương và nước liên hệ, mà hệ quả là ít nhất đã đưa tới tình trạng Ngộ Nhận, Hiểu Lầm... về Ý Nghĩa của các từ ngữ, nhóm chữ. Riêng đối với Việt Nam. có lẽ do tính chất “Xung Đột Ý THỨC HỆ”, mà ở giai đoạn trước, hai phe TƯ BẢN và CỘNG SẢN (cả hai đều thuộc nền Văn Hóa Tây Phương) đều muốn gán cho cuộc Chiến Tranh Việt Nam vừa qua, nên tình hình còn Tệ Hại hơn nữa, đến mức trở thành HỖN LOẠN trên bình diện Chữ Nghĩa cũng như trong đời sống Thực Tế, do đó đã đưa tới Thảm Kịch VĂN HÓA được phản ánh qua tình trạng cực kỳ TỒI TỆ của Xã Hội Việt Nam hôm nay về phương diện LUÂN LÝ, ĐẠO ĐỨC!

Việc NHO GIÁO được trao phó trọng trách GIÀN HÒA hai nền Văn Hóa, Triết Học ĐÔNG-TÂY tại hai Hội Nghị Triết Học Thế Giới đầu tiên được tổ chức vào các năm 1939, 1949,(1) và sau đó còn được TUYÊN DƯƠNG nhiều lần trên các Diễn Đàn Quốc Tế như tại Hội Nghị đầu tiên đã quy tụ những nhà Nghiên Cứu đã từng đoạt Giải Thưởng NOBEL được tổ chức tại Paris vào năm 1988 (2).....cũng như việc Chủ Thuyết AN VI và VIỆT

NHO ra đời với Công Trình Đồ Sộ của Cố Triết Gia Kim Định gồm hơn 40 tác phẩm mà 32 cuốn đã được xuất bản, để đáp lại Lời Mời Gọi của giới Triết Học Quốc Tế, tất cả các việc trên có lẽ đã đặt Nền Móng Vững Chắc cho việc xây dựng một nền Nhân Bản Toàn Diện .

Tuy nhiên, muốn tiến tới mục tiêu Lý Tưởng nêu trên, ngoài những THUẬN LỢI mà chúng tôi sẽ đề cập trong một bài viết sắp tới, còn những TRỞ LỰC cần phải vượt qua hầu mới mong một ngày nào đó trong giai đoạn sắp tới, một CHỦ ĐẠO sẽ xuất hiện để làm KIM CHỈ NAM cho một nước Việt Nam Tương Lai.

- **DOAN MỘT : LỐI NHÌN “Ý THỨC HỆ”**

### **I) ĐAI CƯỜNG**

Nhiều nhà Nghiên Cứu cho rằng Thế Kỷ XX đã được đánh dấu bởi loại Xung Đột Ý THỨC HỆ giữa hai phe Tư Bản và Cộng Sản. Riêng tại Việt Nam, Ấn Tích của cuộc Xung Đột nêu trên vẫn chưa được “xóa nhòa” ; “Vết Thương” trái lại vẫn còn “Rỉ Máu” trên Đất Nước VIỆT và chưa biết bao giờ Việt Nam mới được “Gột Rửa” khỏi những Tàn Tích “bất hảo” nêu trên !

Một TRỞ LỰC quan trọng cho nền Nhân Bản Toàn Diện là Lối Nhìn Ý THỨC HỆ mà chúng tôi dành riêng trong chương này phần sau, cho nhà Nghiên Cứu Triết Học TRẦN ĐỨC THẢO mà giới Trí Thức CSVN có vẻ đang muốn “Đánh Bóng” lại trong thời gian gần đây, không biết cho một “Âm Mưu” gì đây ?!

Điều Bất Thường ở đây là muốn “Lancer” Trần Đức Thảo mà trừ một vài ngoại lệ, hầu hết những bài đóng góp CHỈ bàn về những GIAI THOẠI xoay quanh cuộc đời của ông ta, nhất là liên quan đến việc Trần Đức Thảo “được” tranh luận với Jean Paul Sartre trước đây !!! Có phải đó là Tàn Tích còn sót lại của loại “Mặc Cảm Tự Ty” của giới Trí Thức “Thuộc Địa” , khi một Trí Thức “Nhược Tiểu” ( ở đây Trần Đức Thảo với nhóm người theo

sau) lấy làm ‘Hân Hạnh’ được một Trí Thức của “Mẫu Quốc” (ở đây Jean-Paul Sartre) “chiếu cố” ?!.

Trái lại, cũng trừ một vài Ngoại Lệ, không thấy mấy ai “Thắc Mắc” về NỘI DUNG Tác Phẩm của Trần Đức Thảo, làm như đó là việc không đáng bàn đến ! Cũng có vẻ không đáng bận tâm , việc có người đặt câu hỏi sau đây rằng có GIÁ TRỊ gì chẳng trong các Tác Phẩm của Trần Đức Thảo có thể mong được đóng góp vào Gia Tài Văn Hóa, Triết Học của Dân Tộc và Nhân Loại ?

Lại có người có “Sáng Kiến” ĐỘC ĐÁO là đi Nghiên Cứu Tư Tưởng Trần Đức Thảo BẰNG BÁO CHÍ, tức qua những bài viết bình luận của báo chí Pháp thời đó về cuộc Tranh Luận nêu trên. Ai trong chúng ta cũng biết là giới Báo Chí thường có lối viết THÂM XUNG qua các hàng ‘Tít Giọt Gân’ thường được thấy ở trang đầu tờ báo , hoặc với nội dung có khuynh hướng ‘Phóng Đại’.....mà mục tiêu của các việc làm nêu trên lẽ dĩ nhiên là để BÁN BÁO !!!

Còn một điều LẠ LÙNG khác là lại có người TIN hết thảy các điều nêu trên đến nỗi đưa ra những câu Tuyên Bố như sau :

“Triết lí của Trần Đức Thảo là như vậy: nằm ở khoảng nào giữa Học thuyết nhân bản (chứ không phải độc tài vô sản Stalinit) của Marx và Hiện Tượng luận của Husserl”

“Triết học Pháp sau Thế chiến thứ 2 sở dĩ nổi tiếng hơn triết học Đức là vì biết pha hòa Hiện tượng học Đức với tư tưởng Marxiste. Trần Đức Thảo là nhân vật chính trong sự pha trộn này làm Sartre mất độc quyền. Vì vậy mà Sartre ghen ghét.....”

“Khi cuốn sách “Hiện tượng luận và duy vật biện chứng” ra đời, các nhà triết học danh tiếng hồi đó đều khen ngợi Trần Đức Thảo là người thuộc phái Hiện tượng học độc nhất đã thành công trong việc kết hợp “nước với lửa”, duy tâm với duy vật, Hiện tượng học với Duy vật biện chứng.”

“Trần Đức Thảo là nhà hiện tượng học độc nhất đã thành công móc nối được con tàu Hiện tượng học của Kant, của Hegel, của Fichte, Husserl, Heidegger...vào đầu tàu Marx”

“Nếu còn ở Pháp. thuyết của ông kết hợp Hiện Tượng luận với Duy vật biện chứng sẽ có tầm quan trọng hơn cả thuyết hiện sinh của Sartre vì thật ra thuyết hiện sinh chỉ là một mặt của Hiện tượng luận và Sartre, theo như Trần Đức Thảo kể lại sau cuộc tranh luận, chỉ muốn thuyết hiện sinh của mình “chung sống hoà bình” với học thuyết marxiste”.

**THẬT CÓ NHỮNG CHUYỆN NHƯ VẬY HAY SAO ???!!!**

Bây giờ xin mời Quý Độc Giả cùng chúng tôi thử tìm hiểu Nội Dung Tư Tưởng của Trần Đức Thảo để xem Sự Thật có đúng với những câu tuyên bố có vẻ “Huyền Hoang” ở trên hay không ? Nhưng trước đó, có lẽ nên thử đặt phong trào Hiện Tượng Luận trong đồng văn, bối cảnh của nền Triết Học Tây Phương, do đó cũng cần lướt sơ qua một chút Lịch Sử của nền Triết Học họ.

## **II) VAI NÉT VỀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG**

Có lẽ điều nên TRÁNH ở đây là có thái độ xem việc nghiên cứu Văn Hóa, Triết Học như bất cứ một môn học nào khác, mà hệ quả là có người chỉ liệt kê xem chẳng hạn Socrates nói gì, Plato nói gì, Phật Tổ nói gì, Khổng Tử nói gì, Lão Tử nói gì ..... rồi lại LẤN LỘN “tùm lum” các Phạm Trù Văn Hóa, Triết Học khác nhau để đưa tới kết luận rằng tất cả là “Tương Đồng” đại loại giống như câu tuyên bố sau đây:

“Socrates cho Ý niệm “Thiện” (Le Bien) đã có sẵn trong mỗi con người. có thể coi ý niệm này là tương đồng với “Chân Như” trong triết học Ấn Độ, “Phật tính” trong đạo Phật và “Tâm” trong Khổng giáo”.

Có thật như vậy hay không ?! Viết như trên, trong một ý nghĩa nào đó cũng giống như nói anh A, anh B và anh C “Giống Nhau” vì tất cả đều có ‘một cái đầu, hai tay và hai chân....vvv.....’! Chúng ta có thể gọi loại Triết Học này là Triết Học “HUỀ VỐN” vì theo lối này, cuối cùng ai cũng giống ai cả!!! Như vậy nghiên cứu để làm gì nếu KHÔNG đưa ra được các nét Đặc Sắc cũng như Sở Trường và Sở Đoán ....của mỗi khuynh hướng Triết Học để học hỏi, rút kinh nghiệm , cải thiện cho mục đích TIẾN HÓA. Hoặc đây chẳng qua chỉ là “Chiến Thuật” cho một “Âm Mưu” XUYÊN TẠC nào đây ?!

Thật vậy, công việc Nghiên Cứu nếu thực sự Đứng Đầu và khi áp dụng trong dòng văn Triết TÂY chẳng hạn, thì phải thử xem có sự KHÁC BIỆT nào chẳng giữa Triết Cổ Điển và Triết Hiện Sinh, Hiện Tượng Luận.....hay nói cách khác, thử tìm xem Nguyên Nhân nào khiến có sự chuyển đổi khuynh hướng Triết Học từ Cổ Điển qua Hiện Sinh, Hiện Tượng Luận.....cũng như vị trí của “Hiện Tượng Luận Tiên Nghiệm” của Husserl đối với dòng Lịch Sử Triết Tây.

Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này ở phần dưới và sau đây là “Vài Nét về Lịch Sử Triết Học Tây Phương”.

- **A) TRIẾT LÝ ĐỐI VẬT**

Nếu áp dụng các phạm trù Ngữ Luật vào Triết TÂY thì có thể được chia ra làm 3 giai đoạn: “Vật Đích- Chủ Từ-Động Từ” (= “objet-sujet-verbe)

Giai đoạn Vật Đích hay Đối Vật (Objet) là triết lý của nhóm Thalès chủ trương Bản Chất của Sự Vật là nước. lửa, khí đất, chuyển qua Plato đặt ở Yếu Tính (Essence) của sự vật, và Aristotle ở Bản Chất (Substance). Tất cả đều là Triết Lý ĐỐI VẬT (Objet). Trong đó, Chủ Từ (Sujet) bị Vật Đích (Objet) lấn áp nên hóa thành Đối Vật (chosifié).(3)

Ngoài ra, nền Triết Tây đã bị chi phối trên 25 thế kỷ bởi nội dung của câu định nghĩa sau đây của Aristotle: “Triết Học là một khoa học hiển minh và chắc chắn về những SỰ VẬT, biết cho tới tận những lý lẽ, những căn nguyên sâu xa nhất” (= Scientia rerum certa et evidens per altissimas causas et rationes)

Chỉ cần trích ra từ câu định nghĩa trên từ ngữ “rerum” (= “des choses” hay “các vật”) thì Triết Học xuất hiện như là khoa học về các Sự Vật. Triết đã lấy Sự Vật làm trung tâm suy tư và vì Triết Học là khoa nền móng mà đã khởi đầu bằng Sự Vật, thì tất cả sau này hết mọi vấn đề đều phải khuôn theo phạm trù của Sự Vật, kể cả khi bàn đến vấn đề rất tinh tế như Thượng Đế , Linh Hồn, Sự Sống.....vvv.....”(4) thấy đều chỉ có MỘT CHIỀU, chiều của Sự Vật.

Có ích chỗ nào chưa ai chỉ ra rõ được, nhưng hiển nhiên là đã giản lược con người thành một quặng kim khí phải tuân theo mọi phạm trù và luật tắc chung của Sự Vật, thiếu mất hẳn tính chất âm u, linh động tư riêng của Con Người. Con người trở nên như quặng kim khí nên hoàn toàn thoát xác (désincarné).(4) Giáo Sư G. Gusdorf mới cho rằng “Triết học Lý Niệm là bộ môn “Phi nhân hóa con người” (=École de Déshumanisation) (5)

Câu định nghĩa Cổ Điển trên tuy phát xuất từ Aristotle, nhưng căn nguyên hơn cả là do Plato, người đầu tiên đã phân biệt thế giới Khả Giác (le monde Sensible) ra khỏi thế giới Lý Niệm (le monde des Idées) một cách quá đáng vì Plato đã coi khinh thế giới Khả Giác cũng gọi là Trần Thế , đề đề cao Lý Giới bất biến, bất Trần Giới phải căn cứ trên Lý Giới để tìm lý do tồn tại và tiêu chuẩn giá trị”, (6) tức cũng chỉ là MỘT CHIỀU như Aristotle mà thôi ! Thật vậy, cái LẦM của Plato nằm trong chỗ phân đôi rồi chọn bên kia bỏ bên này nên là Nguyên Nhân của cuộc Xung Đột Ý THỨC HỆ sau này.

Còn Nietzsche thì cho sự phân chia này là một lời rửa sả độc địa đê nạng trên 25 thế kỷ triết học Cổ Điển vì nó khiến con người bị

VONG THÂN, bị “sa đọa” chìm mất tăm vào giữa thế giới SỰ VẬT về cả hai phương diện Luân Lý cũng như Tri Thức.

Về mặt Luân Thường Đạo Lý, thì con người phải vâng phục các luật lệ của cõi Lý Giới đặt xa con người, KHÔNG có gì tự Nội Khởi phát xuất từ Tính Đồng Nhiên của con người cả! Do đó, Đạo đối với con người trở nên cái gì xa lạ lạnh ngắt. Học là học, không ăn nhằm tới Hành cả” tức cũng chỉ là MỘT CHIỀU khi so sánh với tính chất HAI CHIỀU của Minh Triết bên Viễn Đông vì ở đây, Học phải đi đôi với Hành.

Về phương diện Trí Thức, thì chính SỰ VẬT quy định CHỦ TRI như con dấu in hình xuống sáp mềm. Chủ Tri là miếng sáp mềm nhận lấy ấn tượng y nguyên từ Sự Vật in vào chứ tuyệt nhiên không góp chút chi tỏ ra là Chủ Động cả .....nên có thể nói là không có Chủ Tri vì hoàn toàn Thụ Động tiếp nhận cho nên xét về cả hai phương diện, ta thấy Chủ Tri hết còn là “chủ tri” mà là Thụ Tri, nghĩa là không được kể chi tới..(7)

Tóm lại, bên Tây Phương, trong bầu trời Triết Lý, tức bầu trời cần có những quyết định Căn Cơ hướng dẫn Vũ Trụ, Nhân Sinh thì trong thời Cổ Điển, chỉ có Khách Thể và Chân Lý ĐỐI VẬT (= la Vérité-Objet) = “Veritas est conformitas intellectus ad rem”, nghĩa là Chân Lý được đo gọt hoàn toàn theo chiều kích của SỰ VẬT, chứ KHÔNG kể chi tới chiều kích thứ hai là các Nhu Yếu Thâm Sâu của Con Người !

Tất cả các điều trên được nêu ra để cho thấy tính chất Ý THỨC HỆ Một Chiều của Triết Học Tây Phương có từ khởi thủy hay nói cho chính xác hơn từ “Nhát Dao Oan Nghiệt “ của Plato phân chia Thế Giới ra làm hai phần , và “chọn một bỏ một”!. Do đó, Ý Thức Hệ không chỉ xuất hiện mới đây với Karl Marx mà đã manh nha từ thời Plato rồi Vì thế có nhà nghiên cứu “ví von” rằng Cộng Sản chính là ‘cháu đích tôn’ của Plato vậy!

- **B) TRIẾT LÝ CHỦ TRI**

## 1) DESCARTES

Bước qua Thời Mới, DESCARTES Nổi Tiếng vì được cho là có công khám phá ra CHỦ THỂ (la découverte du Sujet), khám phá ra cái Tôi, cái Ego. Ông giống như một nhà Thiên Văn vừa khám phá ra một Ngôi Sao mới: lý do là trước kia trong Triết TÂY, không ai ngờ là có một Chủ Tri nữa” vì như đã nói ở trên, trước kia Triết TÂY chỉ biết có MỘT CHIỀU, chiều của Sự Vật !!!

Descartes tuy một thời được công kênh lên như một “Đại Triết Gia” nhưng nay nhiều nhà nghiên cứu Triết xem đó chỉ là một “Huyền thoại được thiếp vàng” (= légende dorée) do bộ ba Cousin, Ravaisson, Lachelier dàn cảnh để duy trì “Đại Lý Độc Quyền” cho Descartes suốt hơn một thế kỷ. Nhưng cũng theo nhiều nhà Nghiên Cứu, sự thành công nọ đã làm cho Triết Học PHÁP lùi lại một thế kỷ trên đường Nhân Văn học.(8)

Lý do là vì cái “Chủ Thể” do Descartes phát giác chỉ có cái tên, bởi thoát sinh ra nó đã trở nên Cứng Ngắt tức là đã trở nên BẢN THỂ (= Substance Pensante)., có trương độ như Vật Chất, KHÔNG còn chi là SIÊU THỂ cả!(9) Heidegger cũng có nhận xét trong cùng một chiều hướng rằng “Triết Học của Descartes không thoát khỏi ảnh hưởng nặng nề Triết Học Kinh Viện và của Plato-Aristotle”. Tức lúc đầu người ta tưởng rằng Descartes với cái mà ông mới tìm ra và được gọi là EGO (= cái “Tôi”, “Chủ Thể”) có thể đưa thêm vào Triết Học một chiều kích Mới của Con Người, nhưng cuối cùng cái “Ego” hay “Chủ Thể” của Descartes cũng chỉ là hình bóng xưa Sự Vật mà thôi. Do đó dẫu với Descartes, Triết TÂY vẫn giữ tính chất MỘT CHIỀU như xưa!

Nhiều sách Triết không còn nhắc đến tên của Descartes nữa như cuốn “Vies et Doctrines des Philosophes” của W. Durant, hoặc có nhắc đến thì như cuốn “le Nouvel Esprit Scientifique” của G. Bachelard đã đập cho tan tành nền móng của lý thuyết nọ!(10)

## 2) KANT

KANT mới thật là người làm cuộc Cách Mạng. Kant có lý khi ví mình như Copernic , bắt Trái Đất phải xoay quanh Mặt Trời, bắt SỰ VẬT phải xoay quanh CHỦ TRI. Chủ Tri bây giờ mới thật làm CHỦ, nắm quyền định đoạt và trở nên Trung Tâm quy định Dạng Thức của Sự Vật. Sự Vật trở nên THỤ TRI phải nép mình qua khuôn thước, qua Phạm Trù của Chủ Tri. Cũng gọi là Lý Trí Tiên Thiên Tiên Nghiệm. (11)

Hệ quả là khác với trước kia, Kant cho rằng , sở dĩ ta biết được các Thực Tại bên ngoài, những sự kiện trong cõi Hiện Tượng là vì chúng phù hợp với các Phạm Trù Tiên Thiên, Tiên Nghiệm nói trên.. Vậy nên, qua công việc “Phê Bình Tri Thức”, Kant đã nghiên cứu về các điều kiện Tiên Thiên phải có để cho Tri Thức có thể hiện hữu, đồng thời những Giới Hạn về khía cạnh Hiểu Biết của Lý Trí con người. (12)

Một hệ quả khác là Kant đã có công trả lại THỜI GIAN cho Chủ Tri; ông đã biết truy nhận Thời Gian trên Không Gian, như vậy là vượt qua Lý Trí (chỉ biết có Không Gian) bằng một cơ năng khác là “Trí Tưởng Tượng Tiên Nghiệm” (=Imagination Transcendentale) .(13)

Tuy nhiên, theo Heidegger, dấu “rằng phân tích Thời Gian của Kant đã được khôi phục cho Chủ Tri, nhưng nó còn bị chi phối bởi Thời Gian CỔ TRUYỀN và Thông Thường đến nỗi kỳ cùng” , cũng theo Heidegger, “Kant không hiểu được hiện tượng “Thế Tính Tiên Nghiệm của Thời Gian” theo đúng Cơ Cấu và Công Năng của nó.”

“Hơn nữa, trong phân tích Niệm Thức thuyết, Kant cũng đã nhìn thấy sự phối hợp giữa Thời Gian và “Trí Tưởng Tượng Tiên Nghiệm”, nhưng kỳ cùng ông đã lùi bước trước Vực Thẳm đen tối đó, vì cho rằng đó là “trung tâm tưởng tượng (focus imaginarius) (

Trong viễn tượng ấy, Kant vẫn coi Thời Gian là một “GIẢM THIỂU Hữu Thể, vì ngăn trở Chủ Tri không thành Ngã Tiên

Nghiệm được. Là vì Kant vẫn coi LUẬN LÝ học là ƯU TIÊN tuyệt đối. Còn Thời Gian và Trí Tưởng Tượng Tiên Nghiệm đều thuộc những cơ năng Hạ Đẳng” (14). Cuối cùng trong quyển “Critique de la Raison Pure” (= Phê Bình Lý Trí Thuần Túy), Kant đã hé thấy Sự Vật TỰ THÂN (=Noumen), nhưng lại bảo là BẤT KHẢ TRI và trở về với Tin Tưởng thường nghiệm.

Tóm lại, so với Triết CỔ ĐIỂN chỉ biết có Luận Lý (dựa trên KHÔNG GIAN vì Ý Niệm chỉ phản ảnh cõi Hiện Tượng), Kant đã khám phá ra được một Chiều Kích MỚI là chiều kích của “Sự Vật Tự Thân”, của “Trí Tưởng Tượng Tiên Nghiệm và THỜI GIAN, nhưng cuối cùng Kant vẫn CHƯA cho Thời Gian biểu hiện chiều kích Mới nêu trên, vai trò tương xứng với nó.

Tuy nhiên, Kant đã có công mở đầu một Giai Đoạn MỚI để cho các Triết Gia của thời Cận Đại như Husserl, Heidegger.....đi tiếp con đường nhằm khám phá thêm về THỜI GIAN cũng như có cơ hội thử trả lời câu hỏi “Sự Vật Tự Thân” (= Noumen) nêu trên là gì vậy?

## **CÁC KHUYNH HƯỚNG TRIẾT HỌC SAU KANT**

Sau Kant, Triết TÂY có thể được chia ra làm 3 khuynh hướng, mặc dầu trên thực tế, tùy nội dung Tư Tưởng của từng Triết Gia, có sự “Hòa Trộn” ít nhiều phần của mỗi khuynh hướng như Heidegger chẳng hạn có lẽ vì tiếp tục Husserl nên có khi gọi là nhà “Hiện Tượng Luận”, tiếp tục Nietzsche nên khi khác được gọi là nhà “Hiện Sinh”, và vì ông có những sắc thái riêng nên còn gọi là nhà “Thông Diễn” (Hermeneutics).

\_ Khuynh hướng thứ nhất tạm gọi là HIỆN TƯỢNG LUẬN (Phénoménologie) tiếp tục con đường của Kant về phương diện các Phạm Trù “Tiên Thiên-Tiên Nghiệm” với “Trí Tưởng Tượng Tiên Nghiệm (Imagination Transcendentale) và Thời Gian với hai Triết Gia hàng đầu là HUSSERL và HEIDEGGER.

\_ Khuynh hướng thứ hai khởi đầu bởi NIETZSCHE với việc Nietzsche phê bình Socrates đề cao quá đáng Lý Trí, nên cắt đứt với dòng Truyền Thống TÂM LINH của Nhân Loại bên phía Tây Phương. Vậy nên, để chống lại Lý Giới của Triết CỔ ĐIỂN, mà theo Nietzsche có tính chất Tĩnh Chỉ, Cứng Ngắt, Bất Động, tức một thế giới CHẾT, Nietzsche đã đề cao SỰ SỐNG với khía cạnh “Vui Nhộn” của nó qua nhiều hình thức Nghệ Thuật. Có lẽ đó là lý do chính yếu khiến nhiều nhà nghiên cứu xem Nietzsche là “Tổ Sư” của khuynh hướng HIỆN SINH (Existentialisme).

\_ Khuynh hướng thứ ba được đại diện bởi cặp HEGEL-MARX, với khía cạnh Tương Đồng nhưng Đối Kháng và tính cách MỘT CHIỀU của Lý Thuyết nên là một bước THOÁI BỘ trong dòng Lịch Sử Triết TÂY, vì nó tiếp tục phản ánh cuộc Xung Đột Ý Thức Hệ triền miên giữa hai phe Duy Tâm và Duy Vật ở bên Trờ TÂY đã bắt đầu từ rất sớm xưa!

### **3) HUSSERL**

Trần Đức Thảo bắt đầu với luận án về “Hiện Tượng Luận Husserl”, nhưng thay vì tiếp tục con đường Hiện Tượng Luận và đẩy nó đi xa hơn tới những Chân Trờ MỚI như Heidegger đã làm, thì ông Thảo LÙI LẠI để trở về với cuộc Xung Đột Ý THỨC HỆ “truyền thống” ở Tây Phương giữa DUY TÂM và DUY VẬT, được phản ánh qua việc Trần Đức Thảo đã nhân danh “Duy Vật Biện Chứng” của Marx để phê bình một cách TIÊU CỰC “Hiện Tượng Luận Husserl” “lẫn “Duy Tâm Biện Chứng” của Hegel. Chứ Trần Đức Thảo KHÔNG kết hợp nối “Hiện Tượng Luận Husserl” với “Duy Vật Biện Chứng” của Marx như có người “huyền hoang” tuyên bố !!! Sự lựa chọn của ông Thảo theo lối nhìn Ý THỨC HỆ có thể do nhiều yếu tố như do Tâm Tính cũng như lẽ lối Nhận Thức của ông, do áp lực nơi Môi Trường ông sinh sống....vvv.....tất cả các điều trên cộng lại đã đưa tới quyết định của Trần Đức Thảo trở về “con đường mòn” của truyền thống

Triết Học Tây Phương với cuộc Xung Đột Ý THỨC HỆ. như là Nguyên Tắc Chỉ Đạo.

Xin trở lại vấn đề.

Nếu một mặt, sau này Nietzsche phê bình cũng như có một đường lối Tư Tưởng khác với Kant, thì mặt khác, Kant cũng đã mở đầu một con đường Suy Tư mới mẻ mà Husserl, rồi Heidegger tiếp tục cũng như sẽ khai triển thêm ra.

Hãy trở lại một chút với Chân Lý TRÙNG HỢP của Siêu Hình học Cổ Điển với câu tuyên bố “Chân Lý là sự Trùng Hợp giữa Sự Vật và Trí Khôn”. Có người cho rằng câu phát biểu trên có tính chất Hàm Hồ, vì người ta vẫn thắc mắc không biết câu trên có nghĩa là “Trí Khôn là mẫu mực cho Sự Vật” hay ngược lại “Sự Vật là mẫu mực cho Trí Khôn”?(15)

Nên nhớ rằng với nhóm Triết Thalès chủ trương rằng bản chất Sự Vật là nước, lửa, khí, đất, rồi chuyển qua Plato đặt chân lý ở Yếu Tính (Essence) và Aristotile ở Bản Chất (Substance) của sự vật. Tất cả đều là triết lý ĐỐI VẬT, trong đó Chủ Từ (Sujet) bị Vật Đích (Objet) lấn áp nên hóa thành Đối Vật (Chosifié).

Hệ quả là từ Thalès qua Plato, Aristotile, và cho đến cả Descartes, câu phát ngôn nêu trên “Chân lý là sự trùng hợp giữa sự vật và trí khôn” có lẽ nên hiểu theo nghĩa SỰ VẬT LÀ MẪU MỰC CHO TRÍ KHÔN!

Nhưng đến Kant thì tình thế có vẻ hơi KHÁC! Lý do là “Nguyên tắc nền tảng trong triết học của Kant là Tri Thức : con người phải căn cứ trên những điều kiện TIÊN NGHIỆM nghĩa là trước khi gặp gỡ thực tại, trí khôn con người phải suy diễn ra được những điều kiện hợp lý để bắt sự vật ngoại tại tuân theo khi con người ra tay thực nghiệm chúng”(16). Với chủ trương trên, có lẽ Kant ít nhất mong muốn rằng từ đây TRÍ KHÔN LÀ MẪU MỰC CHO SỰ

VẬT!

HUSSERL có lẽ đã hé thấy điều đó. Và nhằm khai triển triệt để khuynh hướng TIÊN NGHIỆM của Kant, Husserl cho rằng mọi định nghĩa chân lý cổ điển không thể giải thích sự TRÙNG HỢP một cách hợp lý, nếu không đi kèm với Ý HƯỚNG TÍNH (Intentionality) (17)

Ý Hướng Tính là ý niệm mà Husserl đã “vay mượn” từ Brentano chủ trương rằng Ý THỨC luôn luôn có “ý hướng tính” là nét đặc trưng của các hiện tượng TÂM THẦN (Mental) nhằm phân biệt với các hiện tượng VẬT CHẤT (Physical). Vì theo Husserl. Ý Thức luôn mang ý nghĩa là “Ý THỨC VỀ”. Ý thức hướng tới đối tượng của nó bằng cách đem lại cho đối tượng một ý nghĩa. Đối tượng của Ý Thức là sự vật thể giới bên ngoài trong tương quan với Kinh Nghiệm Sống của chúng ta, mà sự Hiện Nhiên biểu lộ tính cách TIÊN THIÊN của nó : đó chính là nơi gặp gỡ giữa khả thể tính Tinh Thần và sự kiện Thực Tại.

Về tương quan giữa Ý Hướng Tính và chủ trương TRỞ VỀ VỚI CHÍNH SỰ VẬT (Return to the thing itself) của Husserl thì câu trên có ý nghĩa là trở về với Ý Thức HIỆN NHIÊN trong Kinh Nghiệm SỐNG theo phương pháp GIẢN TRỪ Hiện Tượng Luận. (Phenomenological Reduction). Giản Trừ có nghĩa là tạm “gác lại” (suspension), tạm “đặt vào trong dấu ngoặc” (brackets) các vấn đề hiện hữu trước Ý Thức Ý HƯỚNG TÍNH (Intentionality), để cấu trúc Ý Thức tự bùng phá vén mở, phá đổ bức tường biểu kiến thực tại tự nhiên (natural reality), bị bao phủ bởi những thành kiến của tri thức thường nghiệm..

Nói cách khác, theo Husserl, “quan điểm tự nhiên” (natural standpoint) thông thường dựa trên niềm tin là các sự vật hiện hữu một cách “vật chất” và đang trưng bày những đặc tính mà ta đang thấy như phát xuất từ chúng. Trái lại, “quan điểm Hiện Tượng luận” (Phenomenological standpoint) chủ trương bằng phương

pháp Giảm Trừ (reduction) “đặt vào trong dấu ngoặc” (brackets) các điều nói trên. Công việc kế tiếp là thử xác định các đặc tính không thay đổi về cách thức mà các sự vật được chúng ta nhận thức (hoặc theo giả định (assumption) nằm ngầm về phương pháp nhận thức vừa nêu trên).

Tóm lại, phương pháp GIẢN TRỪ qua mọi chiều kích Suy Nghiệm đã đặt Tinh Thần trước Ý Thức thuần túy (pure consciousness), Kinh Nghiệm cụ thể nên Chủ Thể ý thức được Husserl mệnh danh là Chủ Thể Tiên Nghiệm (transcendental ego) và hiện tượng luận được gọi là Hiện Tượng Luận TIÊN NGHIỆM (Transcendental Phenomenology) với phương pháp Giảm Trừ Tiên Nghiệm (transcendental reduction) qua Ý Hướng Tính về sự vật nơi Chân Trời Tiên Nghiệm.

Tuy nhiên, ở đây Husserl CHỈ mới đặt vấn đề với phép phân tích theo tinh thần suy niệm hiện tượng luận qua các tác vận ý hướng tính cụ thể với chủ đích khám phá Ngã Thể Tiên Nghiệm (transcendental ego) phân biệt với Ngã Thể Tâm Lý (psychological ego).

Với Husserl, sự Thể Nghiệm Sống CHỈ đạt tới đỉnh cao của Suy Nghiệm triết học (Apex of philosophical reflection) trong tiến trình lịch sử với một Liên-Ngã-Thể-Tiên –Nghiệm (Transcendental Intersubjectivity) được hun đúc trong ý thức-thời tính-nội tâm triển khai theo “Hiện Tại Sinh Động” thường hằng (constant Living Present) (18)

Có Triết Gia Kim Định có nhận định về Husserl như sau : “Husserl đã đóng trại trong khoảng LÝ TRÍ đã được rào quanh rất kín. Thay vì đưa ra một NHÂN BẢN đâm rễ vào Sinh Lý, Cơ Thể, Xã

Hội...thì ông lại quay ra kiến tạo một KHOA HỌC Luận về BẢN THỂ có chiều ghé qua “Hữu Thể học”!(19)

- **C ) TRIẾT LÝ BẰNG ĐÔNG TỪ: HEIDEGGER**

**1) VƯỢT QUA HUSSERL**

Riêng, Heidegger phê bình Husserl rằng ” Giản Lược Thể Tính tựu trung là một “aspectus” và “aspectus” chỉ có thể “nhìn” được bằng một thị giác nào đó, rồi chủ thể mang thị giác ấy một cách nào đó cũng phải “hiện hữu ngoài thế giới” (démodanisé).

“Giản Lược Hiện Tượng Luận” càng đẩy con người Tại Thế vào một thế Vô Thời Gian, tức thành Ngã Tiên Nghiệm. Kiện tính thiết thực đã bị tước bỏ hết. Rồi với Giản Lược TIÊN NGHIỆM của Husserl về cuối đời qua chủ hướng Tha Nhân, Thế Giới Sống và Lịch Sử cũng chỉ là những “thể tính phổ biến”. Do đó, Husserl lại còn sa lầy trong DUY NHIÊN trầm trọng hơn nữa.

Tóm lại, từ hiện tượng luận Thể Tính đến hiện tượng luận Tiên Nghiệm, Husserl chỉ muốn xây dựng một hệ thống của Ngã Tiên Nghiệm trên căn bản ‘Eidos’ xét như “die Sachen selbst”. Nhưng không gì xa “sự sống kiện tính” ở đây hơn quan niệm “Eidos” ấy ! Do đó, nhiều nhà phê bình cho rằng Hiện Tượng Luận của Husserl vẫn còn dừng lại ở Nhận Thức Luận hay ít ra chưa khai triển đúng mức bình diện Hữu Thể Luận, nhất là TÍNH THỂ Luận là điều mà Heidegger sẽ làm sau này. A. de Waelhens đã nhận thức rõ điều này như sau: “Chuyển từ Husserl qua Heidegger là chuyển từ LÝ THUYẾT về Chân Lý sang HỮU THỂ học về lý thuyết ấy”.

Trong cùng chiều hướng, Cô Triết Gia Kim Định có nhận xét về Husserl như sau:

.“..... Vì thế Husserl đã đưa ra thuyết giao hỗ hiện tượng là không có ý thức suông mà hề có ý thức thì bao giờ cũng là ý thức về một cái gì. Như vậy, theo Husserl, “vật đích được ý thức” với ý thức không xa cách trên hai bờ nhị nguyên nữa, nhưng chủ tri với sở tri vẫn gắn bó rồi, kiểu “trí tri tại cách vật” của Nho Giáo. Nhưng làm sao được vì Ý Thức mới là tầng ngoài, CHƯA bao gồm được Tiềm Thức, thành ra hiện tượng lên trên màn ảnh ý thức cũng chỉ là cái vô, chứ làm sao có được “cùng lý”, “tận lý” của .“Vật“ (theo nghĩa của Nho) , vì thế làm sao nói được “ngộ ý thức tiên thị vũ trụ” như khi Nho nói về TÂM. Chỉ có “Tâm” mới đạt độ bao la vũ trụ, còn ý thức thì ý thức về cái chi thì biết được cái ấy. Đó có lẽ là điều Heidegger muốn nói khi nhận xét rằng Husserl đã không đặt vấn đề Căn Nguyên về Hữu Thể, nên chưa đạt đồng từ căn cơ có khả năng vô biên nối kết vạn vật. Heidegger đang cố gắng trả lại cho Hữu Thể tính chất uyên nguyên đó để đạt đọt “Sinh Sinh” kiểu Nho Triết”. (20)

## **2) TỪ “ ĐỐI VẬT“ QUA “CHỦ TRI“ ĐẾN “ ĐỘNG TỪ“**

Nếu từ Plato, Aristotle cho đến thời kỳ Kinh Viện, Tây Phương có một nền Triết Học có thể gọi là Khách Thể, ĐỐI VẬT ( la philosophie de l’Objet). Đến Descartes và nhất là Kant, với sự khám phá ra Chủ Thể, Triết Học đã chuyển hướng với sự “lên ngôi” của CHỦ TRI (la philosophie du Sujet). Với Heidegger, xuất hiện một giai đoạn mới mẻ và Triết Lý bằng ĐỘNG TỪ (la philosophie du Verbe) mới thực sự bắt đầu đối với Tây Phương.

Nếu về phương diện Ngữ Luật, trong một câu văn, Động Từ (verbe) đóng vai trò nối kết giữa Chủ Từ (sujet) và “bổ ngữ” (objet), thì một cách tương tự, triết lý bằng ĐỘNG TỪ phải nhấn mạnh đến khía cạnh TƯƠNG QUAN, Nối Kết, với tính chất Biến Dịch, Động Đích kèm theo.

Chẳng hạn DASEIN (=Tại Thế) là một trong những khái niệm căn bản trong Triết Học Heidegger với “Da = đó, đây” để chỉ khía cạnh “Hiện Tượng” nơi mỗi con người được NÓI KẾT với “ Sein = hiện hữu” nói lên khía cạnh Siêu Linh thuộc Tính Thế.

Một hệ quả của quan niệm trên là “Dasein” hay “TẠI THẾ” đối lập mọi quan niệm Chủ Tri nhất là Ngã Tiên Nghiệm của Kant và Husserl. Vì ở đây, Tại Thế không phải một Ngã biệt lập, không là một “ vật thể như vật thể” , nhưng lại có khả năng KẾT DỆT (Leistung) với mọi vật thể thành Ý Nghĩa Tiên Nghiệm cho mình..

### **3) TÀI THỂ VÀ TẠI THỂ**

Thật vậy, “nếu không có ý thức về mình trong thế TƯƠNG QUAN với vạn sự hữu, với tha nhân theo yếu tính xuất-tính-thể (ek-sistence) của con người Hữu-Tại-Thế (being-in -the-world) thì không có hiện tượng “thông giao” (communication), không có ý nghĩa, không có tư tưởng, không có triết lý”.

Lý do là “Hữu-Tại-Thế sống gắn liền với sinh môi và là một phần tử của đời sống cộng đồng, của xã hội trong lịch sử tiến hóa của loài người. Chính môi Tõông Quan giữa con người và thế giới ấy đã đặt khởi điểm cho ý thức và nhận thức của con người”.(21)

Ngoài ra, chúng ta biết là không phải Lý Trí mà chính TÌNH CẢM khiến cho con người Hành Động, do đó một nền Triết Lý bằng ĐỘNG TỬ như của Heidegger không thể không chú ý đến Tình Người qua các cảm trạng như Cô Đơn, Bi Đát, Ưu Tư, Cảm Cảnh..... Hơn nữa, theo Heidegger, “khai triển Xao Xuyên và quyết tâm “Hư Vô” còn là yếu tố làm cho thế giới là thế giới BIẾN THÀNH luôn mãi trong những ý nghĩa Tính Thế “.

Tóm lại, với Heidegger, TÀI THỂ (being-in-the-world) chỉ là một cách thái hiện hữu của TÀI THỂ (Dasein). Nói khác, Tại Thế là

những cách thái Tại Thế liên lạc với toàn bộ những sự vật, những dụng cụ và những con người chung quanh nó.

Ở đây, Heidegger nhắc lại sự quên lãng “Tại Thế” trong Hữu Thế học Tây Phương, nhất là qua quan niệm “Trương Độ” của Descartes. Trái lại với ông, trong khai triển Tại Thế (Dasein) mật thiết gắn liền với kiện tính thiết thực, thế giới chỉ là ‘Tại Thế’(being-in-the-world) trong liên hệ với cơ cấu tính thể của vật thể, gọi là “thế giới chung quanh”.

Trong thế giới ấy, Tại Thế (Dasein) hiện hữu không như một sự vật có trương độ bên cạnh một sự vật và nhiều sự vật cũng có trương độ, mà đương nhiên hiện hữu trong sự GIAO THOA với những mạng lưới chi chít những “dụng cụ” (pragmata). Mạng lưới ấy được thiết định trong lối Hành Sử, trong sự Thân Cận, trong TƯƠNG QUAN Linh Động nhằm chủ đích nào đó, mỗi lúc mỗi khác (Worumwillen). Thế giới ấy thường được Heidegger gọi là “Thế giới biến thành thế giới”(Well welted = le monde se mondanise)..(22)

Như đã nói ở trên, “Tại Thế ” là một cách thức hiện hữu của “Tại Thế, ” mà “Tại Thế” (being-in-the-world) tự nó gắn liền với Thời Gian và Lịch Sử. Phần về “Thời Tính và Thời Gian” và “Sử Tính và Sử Ký” cũng như phần còn lại của Heidegger xin được miễn bàn ở đây vì đã được trình bày trong một bài viết trước đây.(23)

- **D) CÁC KHUYNH HƯỚNG TRIẾT HỌC KHÁC**

- 1) NIETZSCHE VÀ PHONG TRÀO HIỆN SINH**

- a) NIETZSCHE**

Như đã nói ở trên, Nietzsche phê bình Socrates vì đã đề cao quá đáng Lý Trí, nên cắt đứt với dòng Truyền Thống TÂM LINH của Nhân Loại bên phía Tây Phương. Theo Nietzsche, BI KỊCH nảy sinh ra với Socrates khi khía cạnh “Sáng Láng” ( LÝ TRÍ giống

như “Dương” trong Dịch Lý) được tượng trưng bằng Thần Apollon, lấn áp khía cạnh “Ân Tàng” (BẢN NĂNG “Tiềm Thức” như “Âm” trong Dịch Lý) mà Thần Dionysos là biểu tượng.

Để chống lại bầu khí Nghiêm Nghi, Đạo Mạo, “Máy Móc” của thế giới CỒ ĐIỀN, Nietzsche hô hào tinh thần Tự Do, Hồn Nhiên, Vui Sống.....bao gồm những đề tài gắn liền với CUỘC SỐNG, và là những điều thường được thấy trong các bài viết của trào lưu HIỆN SINH sau này. Còn những Chủ Đề khác sau đây của Nietzsche cũng được Hiện Sinh chú ý :

\_ Nietzsche phê bình các ý niệm “Khoa Học” (scientific), “Khách Quan” (objective), Phổ Quát (universal), “ Chân Lý Tuyệt Đối” ( absolute truth).....vvv.... của thế kỷ Ánh Sáng, của Hegel và của nền Văn Hóa CỒ ĐIỀN Tây Phương

Theo Nietzsche, nếu tin theo lý thuyết Tiến Hóa : “mọi sự đều Biến Đổi”, thì KHÔNG còn loại Chân Lý TUYỆT ĐỐI nữa, như Triết Cổ Điển đã từng chủ trương . Do đó, “Chân Lý” chỉ còn có thể là một ý niệm TƯƠNG ĐỐI, tức tùy thuộc vào viễn tượng và vị trí của hành giả trên bình diện Lý Luận, Siêu Hình, Luận Lý, Tôn Giáo.

Các loại “Chân Lý” nêu trên đã lần lần bị thay thế bởi “Chân Lý Khoa Học” áp dụng cho những lý thuyết được “thử nghiệm”. Tuy nhiên, Nietzsche cho rằng các lý thuyết tự nhận là “Khoa Học” không có tính chất KHÁCH QUAN như thường được “phô trương”. Theo ông, đó chỉ là một sự sắp xếp của trí óc con người nhằm đưa ra một lối giải thích cho hợp nhu cầu hiểu biết của mình, về một Vũ Trụ thực ra “phi lý” và “phi cấu trúc” (nếu con người không can thiệp vào để gán cho nó một Ý NGHĨA))

Và cũng theo Nietzsche, nếu đem “Chân Lý Khoa Học” ra để thay thế cho các loại “Chân Lý “ khác là ta đã tước đoạt mọi Ý NGHĨA ra khỏi Vũ Trụ Nhân Sinh! Lý do là Khoa Học chỉ thử trả

lời câu hỏi “nguyên nhân từ đâu đến ? “ , còn vấn nạn “mục đích, cứu cánh là gì ?” thì Khoa học không có lời giải đáp!(24)

Còn những Chủ Đề khác của Nietzsche như “Siêu Nhân” và việc” Lật Ngược các Bảng Giá Trị”, xin được miễn ở đây vì đã được đề cập trong một bài viết trước đây rồi.(25)

## **b) TRÀO LƯU HIỆN SINH**

Giống như Nietzsche, HIỆN SINH chủ trương chống đối Lý Trí, chống lại óc DUY LÝ Một Chiều của thời CỔ ĐIỂN lấy tiêu chuẩn mãi ở thế giới đầu đầu mà “Hiện Sinh” gọi chúng là triết lý “ngoài vũ trụ”, “ngoài thời gian” (philosophie acosmique, extra-temporelle), triết học tháp ngà , triết học thượng ngoạn, , mắt nhìn cùng bốn phương, miệng nói như thác chảy, mà tay thì khoanh dính đít vào mình.

Hiện Sinh đề ra một Triết Học MỚI gần gũi ngay “ở đây và bây giờ (hic et nunc), “trong không gian và thời gian” , một Triết Lý ghé vai, xắn áo, lăn lưng vào đời. Đưa vào một cách thể hiện diện hữu hiệu giữa hoàn cảnh (en situation) đầy bất trắc, ngẫu nhiên, phi lý, bi đát, nhầy nhụa.....”. Tức Hiện Sinh không chấp nhận loại Lý Thuyết MỘT CHIỀU suông của Triết Cổ Điển, mà trái lại mong muốn tiến đến một chủ trương HAI CHIỀU như bên Đông Phương, nghĩa là Lý Thuyết phải đi đôi với Hành Động.

Với Hiện Sinh, trước hết phải kể đến cuộc Khám Phá XÁC THÂN. Xác Thân bị quên bằng dục dài từng ngàn năm của Triết Học LÝ NIỆM làm như con người là “Thiên Thần” không bằng, chỉ biết có khía cạnh Tinh Thần mà thôi!!! .....Bao nhiêu chuyện thuộc Thân Xác bị coi là đời bại hay ít ra không cần bàn đến .....

Và một khám phá nữa rất quan trọng là Khám Phá THA NHÂN (la découverte du toi, d'autrui, d'altérité). Với triết Vật Bản KHÔNG có Tha Nhân. Chủ Tri còn chưa có, có sao được tha nhân.....Đến

nay, khám phá ra Tha Nhân như một Ngôi Vị, một Hữu Thể mà mình có thể thiết lập đối thoại, thông cảm“....”Cần phải chấp nhận Tha Nhân, nghĩa là lân nhân với những cái nhìn khác.....kéo theo những Vũ Trụ quan (Weltanschauung) khác nhau: đó là Triết Lý QUAN ĐIỂM của Hiện Sinh(26) biện minh cho Vũ Trụ ĐA DẠNG mà Triết Học CỔ ĐIỂN ( với lối nhìn MỘT CHIỀU, tức chỉ tuân theo chiều kích của Sự Vật ) đã không kể chi tới!

Tóm lại, tuy các nhóm HIỆN SINH khác nhau rất nhiều, như có mấy điểm Tương Đồng sau đây:

- Trước hết là họ trở lại lấy CON NGƯỜI (chứ không phải Sự vật như Triết Cổ Điển) làm Đối Tượng Suy Tư.

- Kế đến, Hiện Sinh chủ trương trở lại không phải con người Trừu Tượng, mà là con người người CỤ THỂ Sống Động “có thịt có xương”,.(27)

Tóm lại, HIỆN SINH có công trong việc ĐẢ PHÁ tính chất “Vô Tích Sự” của Triết CỔ ĐIỂN đối với đời sống Thực Tế. Tuy nhiên, phần Kiến Thiết của Hiện Sinh chưa có gì quyết định. Lý do theo Gs Gusdorf là “ lược đồ DUY TRÍ (tức Lý Trí Một Chiều) ) kiểu Socrates và Descartes đã đâm rẽ sâu vào Tiềm Thức của Triết Học DUY LÝ, đến nỗi những Triết Gia thật tình chống đối DUY NIỆM, rốt cuộc cũng đồng ý với nó trong tác động căn bản, nghĩa là quả quyết nhận rằng CHÂN LÝ phải xuất hiện như một Biện Chứng, một lối suy tư hợp với Luận Lý”.(28) Tức đi tìm Chân Lý mà cũng chỉ biết có Luận Lý MỘT CHIỀU mà thôi , không như Đông Phương còn biết đến một chiều kích KHÁC là Kinh Nghiệm Sống và Thể Nghiệm Tâm Linh.

## **2) HEGEL và MARX**

Tuy có những Thiếu Sót, nhưng cả hai khuynh hướng HIỆN SINH và HIỆN TƯỢNG LUẬN đều có những đóng góp Quan Trọng và Quý Giá, đánh dấu một Giai Đoạn cũng như có thể làm “Bàn Đạp”

cho những Khám Phá ‘Ngoạn Mục’ hơn nữa trong Tương Lai, tóm lại cho sự TIẾN BỘ nói chung trong lãnh vực TRIẾT HỌC.

Đó có lẽ KHÔNG phải là trường hợp của HEGEL lẫn MARX. Cả hai với nhãn hiệu “Biện Chứng Pháp” (Dialectique) mới xem qua có vẻ “hấp dẫn” nhưng nếu xét kỹ lại thì cũng chỉ là “Bình Mới Rượu Cũ”, tức cũng là MỘT CHIỀU y nguyên như Luân Lý Học Cổ Điển mà thôi !

### **a) HEGEL**

Riêng HEGEL tiếp tục con đường DUY NIỆM (Idéalisme) Chủ Quan từ Descartes trở đi. Hegel mở đầu với ý định SỬA SAI Luận Lý học của Aristotile dựa trên những Ý Niệm (Idée) có tính chất Tĩnh Chỉ (statique), đặc sệt, bất động nên Bergson gọi đó là nền LUẬN LÝ Cứng Đọng (la Logique des Solides), Hegel muốn thay thế Luận Ly (Logique) bằng Biện Chứng Pháp (Dialectique) vì muốn đem yếu tố Động Đích (Dynamique) vào Triết Học để mong “nắm bắt” thực tại của Sự Vật. Triết Thuyết Hegel bao gồm hai điểm chính sau đây:

-Động lực thúc đẩy Văn Minh con người tiến triển trên bình diện Trí Tuệ và Đạo Đức theo Hegel không phải do sự can thiệp của Thần Linh, mà là hậu quả của sự hiện diện trong lòng Nhân Loại của yếu tố TINH THẦN (theo nghĩa LÝ TRÍ)

-Lịch Sử con người tiến triển do sự Xung Đột của hai Lực Đối Nghịch nhau theo các quy tắc của Biện Chứng Pháp gồm ba giai đoạn :

- Chính Đề (thèse) : ý tưởng đầu tiên
- Phản Đề (antithèse): ý tưởng đối nghịch

- Tổng Đề (synthèse): kết hợp hai quan điểm đối nghịch trên

Nhưng với Tổng Đề, một ý tưởng mới xuất hiện sẽ gặp sự chống đối hay bác bỏ, và một chu kỳ khác sẽ lặp lại và Lịch Sử cứ tiếp tục cho đến khi Tổng Đề cuối cùng là TINH THẦN Tuyệt Đối xuất hiện.

Nhưng với Hegel, vấn đề được đặt ra là vì ông có vẻ nghĩ rằng Văn Minh Nhân Loại đã đến giai đoạn cuối cùng với sự thành hình của Đế Quốc Phổ (Đức) ở thế kỷ 19 và không cần đi xa hơn nữa.(29) Ngoài ra, giữa hai hạn từ “Nhà Nước” và “Cá Nhân” thì ông chủ trương HY SINH Cá Nhân, tức CON NGƯỜI thực sự cho NHÀ NƯỚC, mà ông bảo là tiêu biểu cho “bánh xe tiến hóa”!(30) Do đó, người ta thường liên hệ Triết Thuyết của HEGEL với các phong trào Quốc Gia Quá Khích của thế kỷ 19 và các chế độ PHÁT XÍT và QUỐC XÃ sau này !

Có nhà Phê Bình còn gọi Hegel là “đứa Con Hoang của văn hóa Đông Phương”: Lý do có lẽ vì người ta nghi ông HIẾU SAI Dịch Pháp nên Biện Chứng Pháp (Aufheben) của Hegel thay vì đạt được TỔNG ĐỀ với ý nghĩa “Bao Hàm Thâu Hóa” (như tài NHÂN đối với hai tài THIÊN và ĐỊA trong Dịch Lý) thì lại dừng ở HỦY ĐỀ tức hủy bỏ Chính Đề hoặc Phản Đề như thí dụ trên cho thấy, vì từ ngữ “Aufheben” cũng có nghĩa là ‘Hủy Diệt’ nữa ? Đúng là ở lãnh vực Văn Hóa “sai một li là đi một dặm” với những hậu quả KHỐC HẠI gắn liền với Biện Chứng Pháp DUY TÂM của Hegel.

Và đang có khuynh hướng SỬA SAI Hegel vì cuối cùng người ta bắt đầu nhận thấy rằng Biện Chứng Pháp cũng chưa thoát ra được cái khung DUY LÝ Một Chiều với các luật Đồng Nhất, Mâu Thuẫn của Luận Lý học Aristotle mà Hegel muốn thay thế.(31)

Còn theo Heidegger, “Hữu Thể đối với Hegel là Tư Tưởng TỰ nhận thức chính Mình như sản phẩm của Mình. Như vậy, Hữu Thể

là một sản phẩm của Tư Tưởng, của trí thức nhờ đó Descartes đã giải nghĩa “Idea”.

.....Đối với Hegel cũng vậy, nhưng một cách suy nghĩ chín chắn vô song và được chuẩn bị do công trình của Kant; Hữu Thể ĐỒNG TÍNH với Tư Tưởng ”Đó là mức độ CÙNG CỰC của DUY NIỆM Chủ Quan”. (32)

Đoạn trên có nghĩa rằng đối với Heidegger Triết Học của HEGEL có tính cách DUY NIỆM Tột Cùng , tức cũng chỉ là Ý THỨC HỆ Một Chiều mà thôi !!!

## **b) MARX**

Riêng về MARX, nhiều nhà Nghiên Cứu xem ông là một nhà XÃ HỘI học có thêm kiến thức về KINH TẾ hơn là một Triết Gia. Thật vậy Tư Tưởng của Marx chỉ xoay quanh cái “nhân” hay cái “cốt lõi” là “Biện Chứng Pháp “ của Hegel” được Marx xoay đầu ngược lại biến DUY TÂM thành DUY VẬT. Marx cũng “bắt chước” lối Tiếp Cận Lịch Sử của Hegel qua cái nhìn “Giai Cấp” mà cả hai Hegel lẫn Marx đặt đề trên dòng Lịch Sử Tây Phương.

Mặt khác, KINH DỊCH đã được người Tây Phương biết đến từ thời LEIBNIZ (1646-1716) và nguyên tắc sắp xếp kiểu “Âm-Dương” của Dịch Lý có thể đã gợi hứng cho Leibniz khám phá ra phép Nhị Phân (Système Binaire) được áp dụng cho các máy Điện Toán ngày nay [thay cho phép Thập Phân (système décimal) trong Số Học]. (33)

Đến thời HEGEL (1770-1831) thì nội dung Kinh Dịch đã được khá nhiều người Đức biết đến rồi, nên việc Hegel được gợi hứng từ Dịch Pháp để làm nên “Biện Chứng Pháp” là một điều rất nhiều cơ may đã xảy ra !. Mà Dịch Pháp có tính cách HAI CHIỀU đặt trên nền tảng “Âm-Dương”, “Thiên-Địa”, “vòng Sinh-vòng Thành”, “vòng Trong-vòng Ngoài”., “Mâu Thuẫn-Bổ Túc” hay “TÂM-

VẬT”.....vvv..... mà điểm KẾT NỐI, GIÀN-HÒA giữa hai Cực là Tài NHÂN.

Nhưng như đã nói ở trên, Luận Lý học Aristotle HÔNG vì tính chất MỘT CHIỀU của nó. Hegel mới muốn SỬA SAI nên đưa ra “Biện Chứng Pháp”, nhưng cuối cùng lại hóa ta DUY TÂM với Hegel hoặc là DUY VẬT với Marx , tức trước sau vẫn là MỘT CHIỀU thì đúng là một “Vòng Luân Quẩn”!!!

Marx cũng chia Lịch Sử Tây Phương ra làm 3 Giai Đoạn như Hegel

- Ở giai đoạn 1, con người miệt mài trong đời sống của Chủng Loại (“species-life”= từ ngữ của Feuerbach). Có thể nói rằng bằng Lao Động, Thiên Nhiên được “tái tạo “ lại để nó xuất hiện như “Tác Phẩm” hay ‘Thực Tại’ của con người .Công việc nhằm vào thế giới Vô Cơ (inorganic) hay thế giới “Khách Quan” là cái phân biệt con người với con vật Việc nhấn mạnh ở đây trên “Lao Động và Sản Xuất” là một khía cạnh của lý thuyết về “Giá Trị Lao Động” của Marx quan niệm rằng “Giá Trị của một Vật nằm trong số lượng của Lao Động được dành cho nó” .

-Ở giai đoạn 2, Marx bắt đầu đề cập đến vấn đề VONG THÂN (=Alienation)) của con người mà một hình thức xảy ra khi người Thợ bị Chủ “bóc lột” qua việc áp dụng ý niệm “Giá Trị Thặng Dư”(=Surplus Value) được định nghĩa một cách đơn giản như khoảng cách giữa trị giá của số tiền lương của người Thợ (tương đương với 8 tiếng làm việc trong một ngày chẳng hạn) với trị giá thực sự mà sự lao động nói trên của chính người Thợ đó tạo nên (tương đương với 10 tiếng làm việc chẳng hạn). Giá Trị “Thặng Dư” (2 tiếng trong trường hợp này) lẽ dĩ nhiên “vào túi” của Chủ Nhân: Marx xem sự kiện trên là một hình thức “Bóc Lột”.

Một hình thức “Vong Thân” khác theo Marx là khi “Vật” có một “quy chế giá trị” Độc Lập với sự :”tạo tác” của người Thợ với sức lao động của chính mình đối với “Vật” được “tạo tác”. Đó là “quy

chế giá trị” của các Hàng Hóa (commodity) nói chung. Vài loại “Hàng Hóa” đặc biệt (như Tiền Bạc.....) lại được xem như là “Thần Vật” (Fetish) được người ta “tôn thờ” và qua đó giá trị Thực Dụng (use-value) được thay thế bằng giá trị Trao Đổi (exchange-value)

Marx còn cho rằng hình thức “Vong Thân” cùng cực nhất xảy ra với sự ra đời của “quy chế” TƯ HỮU (Property). Vì theo Marx, đó là tình trạng khiến người này “Vong Thân” đối với người kia và ngược lại. Tất cả là Phương Tiện của nhau, vì đã trở thành “Vật Sở Hữu” có thể dùng Đồng Tiền để “mua đi bán lại”

- Ở Giai Đoạn 3, tức “Phủ Định” của “Phủ Định” theo kiểu Hegel, lẽ dĩ nhiên theo Marx, xuất hiện “Thiên Đàng” Cộng Sản nơi đó có sự Đồng Nhất giữa con người “Chủng Loai”(=”species-life”) được Marx định nghĩa như là một “Con Vật” XÃ HỘI với Thiên Nhiên. Sẽ có một Công Đồng đích thực xuất hiện mà không có hiện tượng Bóc Lột dưới mọi hình thức. Tư Hữu và Chính Quyền đều sẽ được “bãi bỏ”.....vvv.....(34)

**TOÀN NHỮNG CHUYỆN KHÔNG TƯỞNG! MÀ ĐIỀU KỶ LẠ LÀ LẠI CÓ NGƯỜI TIN !!!**

Tóm lại, Karl Marx phê bình “Biện Chứng Pháp Duy Tâm” là đã đặt ngược vấn đề , mà hệ quả theo Marx, là Hegel còn giam hãm con người trong trạng huống VONG THÂN. Để sửa sai tình trạng trên, Marx tuyên bố rằng” muốn triệt để cần phải giải thích vạn vật từ gốc rễ chung “. Đối với Marx, “gốc rễ đó lại là chính Con Người”. Nhưng tiếc rằng sau đó Marx lại thêm “Bản chất con người là KINH TẾ hay XÃ HỘI Tính”. Điều trên có nghĩa là trong Bản Chất con người, Marx chỉ thấy có khía cạnh Kinh Tế hay Xã Hội mà thôi, còn những gì TƯ RIÊNG, ĐỘC ĐÁO có thể giúp con người tiếp cận với chiều kích TÂM LINH với những khát vọng Siêu Hình Thiêng Liêng của mình thì bị thuyết Cộng Sản phủ nhận hết !” (35)

Tuy hai lý thuyết của Hegel và Marx, nếu nhìn từ bên ngoài có vẻ Đối Kháng, chống đối nhau như “nước với lửa”, “Tâm với Vật”.....vvv.....nhưng xét cho cùng thì cả hai đều chia sẻ một Mẫu Số Chung là “căn bệnh” DUY trầm kha của Văn Hóa Tây Phương. Hệ quả của tình trạng trên là thái độ Độc Hữu, Độc Tôn, Độc Quyền, Độc Đảng.....vvv.....” (mà đảng CSVN vẫn còn giữ đầy đủ!)

Do đó, “Xin hãy chấm dứt thời đại DUY, bất cứ “Duy”: nào cũng là “Bệnh Hoạn” cả , dẫu là Duy Lý hay Duy Linh, Duy Vật hay Duy Thần. Thánh, Thần, Vật, Linh.....hễ đã nhót vào phạm trù DUY thì nên phải bỏ, giữa lại chỉ có hại cho con người trong thực tại” mà thôi “ !

Vậy nên, những nhà Văn Hóa hàng đầu ở thời Cận Đại và ở trong mọi lãnh vực như M. Heidegger trong Triết Học, C. Jung trong Tâm Lý miên sâu, C. Lévi-Strauss trong Nhân chủng học, F. Capra trong Khoa Học.....vvv.....đều cố võ cho một lối Tiếp Cận TOÀN DIỆN về Chân Lý và Cuộc Sống vì theo họ chỉ hiện hữu trong tư thế TOÀN THỂ mà thôi !

## **E) TRẦN ĐỨC THẢO**

### **1) ĐAI CƯƠNG**

Phần trình bày trên đây cung cấp một cái KHUNG Triết Học có thể giúp chúng ta thử đặt phong trào Hiện Tượng Luận Husserl cùng với thuyết “Mác-Xít và tiện thể Trần Đức Thảo (vì ông Thảo có thời nghiên cứu về Husserl và sau này theo Cộng Sản) trong dòng văn của Lịch Sử Triết Học Tây Phương để xem đoạn văn có người viết như sau : “ Trần Đức Thảo là người thuộc phái Hiện tượng học độc nhất đã thành công trong việc kết hợp “nước với lửa”, duy tâm với duy vật, Hiện tượng học với Duy vật biện chứng” có phản ảnh đúng đắn Sự Việc đã xảy ra hay không ?

Công Trình Triết Học của Trần Đức Thảo bao gồm chính yếu 2 cuốn sách “Phénoménologie et Matérialisme Dialectique” xuất bản năm 1951 và “Recherches sur l’Origine du Langage et de la Conscience” xuất bản năm 1973, và một số bài đủ loại viết bằng tiếng Việt và tiếng Pháp. Riêng 2 bài viết hay đúng hơn 1 bài viết được chia làm 2 phần với tựa đề là “De la Phénoménologie à la Dialectique Matérialiste de la Conscience” đăng trên Tạp Chí “Nouvelle Critique” vào các năm 1974 và 1975, chiếm một vị trí khá Quan Trọng, vì với 2 bài này được Trần Đức Thảo viết bằng tiếng Pháp cũng như đăng trên một Tạp Chí nổi tiếng ở Pháp (chứ không phải bằng tiếng Việt và nằm trong giảng khóa cho Sinh Viên VN như một số bài viết khác của ông). Mục tiêu của Trần Đức Thảo là điều chỉnh, bổ túc, sửa chữa, thanh minh .....với giới Trí Thức Quốc Tế (nhất là Pháp) về một số vấn đề đã được đề cập trong tác phẩm “Phénoménologie et Matérialisme Dialectique”(1951) mà nhiều dữ kiện đã trở nên Lỗi Thời vì lý do đơn giản là tác phẩm đã xuất bản khoảng một phần tư thế kỷ trước đó, chưa kể những lý do khác !

Vào thời kỳ đó ông Thảo nghĩ rằng ông có thể “giữ lại trong một mức độ nào đó, Phương Pháp Hiện Tượng luận bằng cách “thải bỏ” phần “Duy Tâm” của Husserl mà thôi và tìm cách “sát nhập” nó như một giai đoạn trong “Biện Chứng Pháp Duy Vật”, như một “khí cụ” Phân Tích để đi vào thế giới “Nội Tâm Sống Động”. cũng như đưa ra một câu trả lời có tính cách “xây dựng” đối lại với các lời Phê Phán của phe Duy Tâm, đặc biệt trường phái Hiện Sinh của J.P.Sartre.

Theo ông Thảo, phần công việc của ông liên quan đến những Ký Hiệu xuất hiện đầu tiên của “Ý Thức” nơi Con Vật thì còn tạm được, (tuy nhiên tầm ảnh hưởng của nó cũng rất giới hạn). Trong khi đó, dự án của ông Thảo về việc áp dụng “Biện Chứng Pháp “ 3 phần kiểu Hegel nhằm “sát nhập” Husserl vào thuyết “Mác-Xít” đối với Thực Tại Con Người thì ông thú nhận là đã gặp Trở Ngại! Ông “thỏ lộ” riêng với độc giả rằng ông có thể lấy cớ là do nhu cầu

“Đấu Tranh” thực tế, ông phải hoàn tất phần 2 về Con Người một cách vội vã, tức chỉ trong vòng một năm mà thôi, để cáo lỗi về những Thiếu Sót trong phần 2 của tác phẩm. Tuy nhiên, cũng theo ông Thảo, trên thực tế thì sau đó ông vẫn tiếp tục “Bị Bí dài dài” trên nhiều năm trời ! Trong thời gian chuyển tiếp này, với công trình của các nhà nghiên cứu Liên Xô trong lãnh vực Ý Thức , ông Thảo chỉ thực hiện được những “bước chậm chạp” trong công việc của mình mà thôi!

## **2) KÝ HIỆU “TỰ NHIÊN” HAY KÝ HIỆU “TÙY TIỆN” “?**

Phải đợi đến năm 1964 với những âm vang lớn rộng về sự Thành Công của phong trào Cơ Cấu Luận (Structuralisme) thì Trần Đức Thảo mới cảm thấy phải gấp rút nghiên cứu tác phẩm “ Giảng Trình về Ngôn Ngữ Học Tổng Quát” của Ferdinand de Saussure.

De Saussure chia các Ký Hiệu (Signe) ra làm 3 loại:

- Ký Hiệu ‘Tự Nhiên’ (= “signe naturel” ) như thuật ‘Bắt Chước’(= Mimique)
- Ký Hiệu “Bán Tự Nhiên” như các dấu hiệu trong phép “Xã Giao”, các Biểu Tượng.....vvv.....
- Ký Hiệu “Tùy Tiện” (= “signe arbitraire”)

Và De Saussure viết tiếp về vai trò của loại Ký Hiệu “Tùy Tiện”:  
này như sau:

“ Các ký hiệu “tùy tiện” thực hiện tốt hơn các ký hiệu khác, lý tưởng của thủ tục Ký Hiệu học. Do đó, Ngôn Ngữ là hệ thống diễn đạt phức tạp và phổ biến nhất, cũng có tính cách Tiêu Biểu nhất trong các hệ thống diễn đạt. Trong ý nghĩa đó, Ngôn Ngữ học có thể trở thành “Chủ nhân ông” của mọi loại Ký Hiệu học, mặc dù Ngôn Ngữ chỉ là một hệ thống đặc thù”.

Đến đây thì Trần Đức Thảo có vẻ “Gặp Vấn Đề”! Câu hỏi đầu tiên mà ông Thảo muốn đặt cho De Saussure là nếu nại đến tính cách “Tùy Tiện” (arbitraire) của các Ký Hiệu của Ngôn Ngữ để làm tiêu chuẩn chọn lựa, thì theo ông Thảo, tính cách “Tùy Tiện” của Ký Hiệu trong “ngôn ngữ” Khoa Học còn vượt qua Ký Hiệu trong ngôn ngữ thông thường về phương diện này.

Thí dụ vừa nêu trên lại cung cấp thêm một lý do nữa để ông Thảo tiếp tục “chất vấn” De Saussure. Ông Thảo muốn đi vào sâu hơn, chi tiết hơn trong lãnh vực các Ký Hiệu “Tự Nhiên” (= “signe naturel”) để tìm ra thêm những “Đức Tính” khác của loại Ký Hiệu “Tự Nhiên” này cũng như thêm những luận cứ mới mẻ hầu giúp ông Thảo bảo vệ lập trường của mình chống lại quan điểm của De Saussure.

Ông Thảo gọi chủ trương của ông là “Lý Tưởng” của cái tạm gọi là “Hệ Thống Tổng Quát về các Ký Hiệu với các Đặc Tính “Thực Chất” và “Thẩm Mỹ”(=le système général des signes intrinsèques et esthétiques) bao gồm thuật “Bắt Chước” (mimique), Lễ Nghi (rite), Biểu Tượng (symbole). các thủ tục có tính “Tượng Trưng”, và vô số các cách Diễn Tả bằng Cử Chi, Điều Bộ, Nét Mặt.....vvv..... trước khi và đồng thời với sự xuất hiện của Tiếng Nói.

Theo ông Thảo, “hệ thống” Ký Hiệu “của ông” mà nét đặc trưng được thấy qua khả năng diễn đạt được “Thực Chất” của vấn đề, qua trung gian của cái “Biểu Đạt” (signifiant) với tính Thống Nhất được phát triển bằng cơ cấu “Biện Chứng” Lịch Sử!

Ông Thảo sử dụng “hệ thống” nêu trên để đáp trả lại “hệ thống tổng quát về các Ký Hiệu “Tùy Tiện” (=arbitraire) của Ferdinand de Saussure, được định nghĩa bằng một Cơ Cấu có tính Hình Thức của các Tương Quan giữa các Ký Hiệu “Tùy Tiện” với tính “Dị Biệt” (= différentiel), “Đối Kháng” (= oppositif) và “Tiêu Cực (=négatif) đi kèm.

Lẽ dĩ nhiên, theo ông Thảo, “hệ thống” đầu tiên “của ông” phải là chính yếu để đặt nền móng cho “Hệ thống” thứ hai của De Saussure. Lý do, cũng theo ông Thảo, là vì hệ thống “của ông” trình bày một cách trực tiếp trong chính trực giác của thế giới cảm xúc, NỘI DUNG Ý Nghĩa mà hệ thống thứ hai của De Saussure chỉ diễn tả một cách Ước LỆ, HÌNH THỨC, rõ nét hơn mà thôi, hầu phát triển thêm trên bình diện Nghị Luận.

Trần Đức Thảo còn than phiền về Thái Độ của Ferdinand de Saussure trong tiến trình xây dựng và trình bày Lý Thuyết của mình. Theo ông Thảo, ở phần đầu Tác Phẩm. De Saussure khi đưa ra chủ trương của mình rằng “Ký Hiệu ngôn ngữ là “Chủ nhân ông” của mọi loại Ký Hiệu”, De Saussure tỏ ra thận trọng, dè dặt “rào trước đón sau”., nhưng bỗng nhiên trong phần hai của Tác Phẩm,, “không báo trước” và theo ông Thảo, De Saussuree cũng không “kèm theo một biện minh nào cả”, đã đơn giản “Đồng Hóa” mọi cơ cấu Ký Hiệu với cơ cấu Ký Hiệu của Ngôn Ngữ bằng câu tuyên bố sau đây: “ Trong Ngôn Ngữ cũng như trong mọi hệ thống Ký Hiệu, cái giúp PHÂN BIỆT một Ký Hiệu với mọi Ký Hiệu KHÁC là tất cả vấn đề”!!!

Ông Thảo còn lấy cớ rằng lúc đầu De Saussure cho rằng “ngôn ngữ “Khoa Học qua các Khái Niệm của nó, tìm cách định nghĩa không phải các Từ Ngữ (=”mot”), mà chính các “Vật”(=”chose”). Mà theo ông Thảo, để định nghĩa các “Vật” thì cuối cùng cũng phải sử dụng các Từ Ngữ của ngôn ngữ thông thường mà thôi. Và nếu De Saussure khẳng định một cách đúng đắn rằng các định nghĩa Khoa Học có liên quan đến Thực Tại của các “Vật”, thì Ngôn Ngữ thông thường qua các Ý Nghĩa của nó, cũng đã “chứa đựng” một Nội Dung của sự Hiểu Biết chân thực phản ảnh THỰC SỰ mặc dầu về cách thức vẫn còn nhiều khiếm khuyết như tính cục bộ, lộn xộn của nó, Nội Dung Khách Quan của Thực Tại. Vậy nên, cũng theo ông Thảo, tuy Nội Dung được “chứa đựng” trong Ý Nghĩa của các Từ Ngữ có thể được xác định và khai triển thêm bằng các loại Kết Hợp khác nhau của khoa Nghị Luận, nhưng

KHÔNG cách nào có thể đơn giản hóa sự việc đến độ xem NỘI DUNG Ý Nghĩa của các Từ Ngữ như CHỈ xuất phát từ Tương Quan HÌNH THỨC giữa các Từ Ngữ với nhau mà thôi , là điều ông Thảo “cáo buộc” De Saussure!

Tóm lại, theo Ferdinand de Saussure, Ký Hiệu học Ngôn Ngữ dựa trên Tương Quan HÌNH THỨC giữa các Từ Ngữ với nhau mà nét Đặc Trưng NỀN TẢNG là khả năng PHÂN BIỆT một Từ Ngữ với mọi Từ Ngữ KHÁC. Các Ký Hiệu “Tùy Tiện” (=arbitraire) đóng vai trò nêu trên TỐT HƠN các loại Ký Hiệu KHÁC. Và cũng theo De Saussure, tính Nền Tảng đặc trưng trên của Ký Hiệu học Ngôn Ngữ có thể đem áp dụng cho MỌI lãnh vực.

Trần Đức Thảo KHÔNG đồng ý với chủ trương trên của De Saussure. Theo ông Thảo, NỘI DUNG Ý Nghĩa của Ngôn Ngữ nhằm diễn tả Thực Tại bằng các Khái Niệm (=concept) Quan Trọng hơn các Tương Quan HÌNH THỨC giữa các Từ Ngữ với nhau. Do đó, cũng theo ông Thảo, hệ thống tổng quát về các Ký Hiệu với các Đặc Tính mà ông Thảo gọi là “Thực Chất” (=”intrinsèque”) hoặc “Thẩm Mỹ” (=”esthétique”) dựa nhiều trên các Ký Hiệu “Tự Nhiên” (= “signe naturel”) hay “Bán Tự Nhiên” vì theo ông Thảo, diễn tả tốt hơn Nội Dung Ý Nghĩa của Thực Tại nên phải làm NỀN TẢNG cho hệ thống tổng quát về các Ký Hiệu “Tùy Tiện” (= “signe arbitraire”) hay “Ước Lệ” (=”signe conventionnel”) của Ferdinand de Saussure, mà vai trò còn lại CHỈ xác định và làm cho rõ nét hơn cũng như phát triển trong lãnh vực Nghị Luận mà thôi !(36)

## PHÊ BÌNH 1

Để mở đầu bài viết, Trần Đức Thảo cho chúng ta hiểu rằng lúc đầu tức khi viết cuốn “Phénoménologie et Matérialisme Dialectique “(1951), ông có ý định như có người đề cập, “kết hợp” Hiện Tượng Luận với thuyết “Mác-Xít” . Nhưng sự thế hôm nay đã KHÁC lắm rồi và ông Thảo viện nhiều lý lẽ như đã trình bày ở phần trên, để bày tỏ với độc giả rằng ông KHÔNG HÀI LÒNG

chút nào với tác phẩm đó của ông.. Sự “không hài lòng” của Trần Đức Thảo trong chuyện này đã đạt tới mức độ trầm trọng đến nỗi ông Thảo phải quyết định ngưng ngay, không tái bản nữa cuốn sách nêu trên. Tình thế này hoàn toàn TRÁI NGƯỢC lại với Thái Độ mà một người bình thường có thể có nếu đương sự cảm thấy là Đúng nội dung của những lời lẽ “Tâng Bốc” tương tự như sau :

“ Trần Đức Thảo là người thuộc phái Hiện tượng học độc nhất đã thành công trong việc kết hợp “nước với lửa”, duy tâm với duy vật, Hiện tượng học với Duy vật biện chứng”!

Lời viết THẬM XUNG kiêu “Nhà Báo” ấy mà ! Đúng là một cách thức ĐỘC ĐÁO để nghiên cứu Triết Học BẰNG BÁO CHÍ !!!

Ngoài ra, ở phần Một của bài viết, ông Thảo muốn cho chúng ta ngầm hiểu là ông đã từ bỏ Hiện Tượng Luận để từ nay chỉ biết có “Duy Vật Biện Chứng “ mà thôi! Mà những lý do của sự thay đổi này sẽ được ông đề cập sau, tức trong phần Hai của bài viết. Như đã nói sơ qua ở trên, có lẽ do Tâm Tính, do lẽ lối Nhận Định của ông Thảo hoặc do Môi Trường ông sinh sống (có thể ông đã “ngán” về cách thức chế độ CSVN đối xử với ông, như đã từng cho ông “Đi Chăn Bò” một thời gian !!!) hoặc cũng có thể do những Khó Khăn không vượt qua nổi liên quan đến dự án “kết hợp” Hiện Tượng Luận với “Mác-Xít”. nên cuối cùng ông Thảo “Bỏ Cuộc” ???!!!

Tuy nhiên, dầu là lý do nào đi nữa hay dầu do tất cả các lý do nêu trên cộng lại thì Kết Quả vẫn là ông Thảo phải trở về “nép” mình vào cái khuôn khổ của một môi trường chật hẹp, tù túng, độc tài, cực đoan, “phi nhân phi nghĩa” .....của một loại Ý THỨC HỆ Một Chiều là thuyết Mác-Xít !!!

Kế đến, ông Thảo đề cập đến ảnh hưởng trên chính ông của công trình của các nhà nghiên cứu Liên Xô mà chúng ta có quyền nghi ngờ cũng như đặt vấn đề đối với họ liên quan đến tính “Vô

Tư tưởng thiếu trong Khoa Học” mà một nhà nghiên cứu bình thường phải có. Tuy nhiên vấn đề được đặt ra ở đây là họ có được sống trong một môi trường BÌNH THƯỜNG hay không ??? Vì lý do nêu trên, phần này của ông Thảo có lẽ cũng không còn lại bao nhiêu giá trị !

Riêng phần ông Thảo đề cập đến những gì liên quan đến tác phẩm “Cours de Linguistique Générale” của Ferdinand de Saussure thì có lẽ chúng ta nên chú ý hơn. Ông Thảo cho chúng ta biết là do sự Thành Công ”vang dội” của Cơ Cấu luận (Structuralisme) mà ông bắt đầu chú ý đến tác phẩm nêu trên của De Saussure. Cũng chẳng sao! Nhưng điều đáng tiếc ở đây là ông KHÔNG hành xử như một nhà nghiên cứu Bình Thường “khiêm nhường, chân thành đi tìm Chân Lý” nên tự đặt câu hỏi tại sao Cơ Cấu Luận thành công và ta có thể học hỏi được gì từ họ, bằng cách so sánh các khám phá của mỗi nhà Cơ Cấu với nội dung của tác phẩm nêu trên của De Saussure là KHỎI ĐIỂM cho phong trào Cơ Cấu Luận.

Trái lại, trong thực tế ông Thảo “gãy bỏ” hoàn toàn giai đoạn GIỮA để đi thẳng vào tác phẩm của De Saussure. Lại một lần nữa cũng chẳng sao! Nhưng điều đáng tiếc khác là có lẽ vì “Vội Vã, Chủ Quan cũng như do lối nhìn Ý THỨC HỆ Một Chiều” nên ông Thảo đã lướt qua, do đó không thấy một yếu tố TỐI QUAN TRỌNG giúp các nhà Cơ Cấu cách chung THÀNH CÔNG, trong khi đó, ông Thảo cũng như J.P. Sartre (sẽ đề cập trong một bài viết khác) không đạt được mục tiêu mà cả hai mong muốn !

Cơ Cấu Luận Thành Công vì như bằng chứng, phong trào đã ảnh hưởng mạnh mẽ trên khoảng 2 thập niên không những trong lãnh vực Triết Học và các Khoa Học Nhân Văn mà còn lan rộng ra tới mọi sinh hoạt của cuộc sống từ Báo Chí, Văn Chương Đại Chúng, Thời Trang, Luật Pháp, Ngoại Giao, Nghi Lễ, Âm Thực đến các lãnh vực Giải Trí như Phim Ảnh, Kịch Nghệ, Thể Thao (cả Đô Vật, Đua Xe Đạp).....vvv..... “Thời Trang” tuy đã qua, nhưng phong trào vẫn còn để lại những Tác Phẩm có “Giá Trị Đẻ Đời”

như Công Trình Văn Hóa của nhà Nhân Chứng học C.Lévi-Strauss đã ảnh hưởng đến Đường Lối Nghiên Cứu cách chung cũng như đối với các trào lưu Dân Chủ Nhân Quyền, Môi Sinh.....vvv.....

Yếu tố “Tối Quan Trọng” nêu trên nằm trong hai câu văn sau đây của nhà Ngữ Học Troubetzkoi (mà De Saussure đã chịu ảnh hưởng) :

- Âm Vị từ bỏ sự nghiên cứu hiện tượng ngôn ngữ có thể Ý Thức được để khảo sát hạ tầng VÔ THỨC của những hiện tượng ấy

-Đối tượng Âm Vị học KHÔNG phải là những đơn vị Riêng Lẻ mà là những mối LIÊN HỆ giữa những đơn vị ấy.

◁Nội dung hai câu trên của Troubetzkoi cũng tương tự hai câu sau đây của C. Lévi-Strauss:

- Một là Cơ Cấu vượt Lý Trí để đi sang bình diện VÔ THỨC (=”Du Conscient à l’Inconscient)

- Hai là KHÔNG học về Hạn Từ , nhưng học về LIÊN HỆ giữa các Hạn Từ (= non termes mais relations entre les termes, non causalité mais corrélation fonctionnelle)

(37)

Yếu tố “Tối Quan Trọng” đó là VÔ THỨC và mối LIÊN HỆ giữa các Hạn Từ mà ông Thảo đã lướt qua nên không thấy, do đó đã đưa tới Kết Quả TIÊU CỰC bao gồm những Sai Lầm, Ngộ Nhận trong bài viết của ông.

Sau đây chúng tôi xin thử trả lời những câu hỏi mà ông Thảo muốn đặt với De Saussure:

- Câu hỏi đầu tiên của ông Thảo là “Nếu nại đến tính TÙY TIỆN (Arbitraire) thì tại sao không chọn Ký Hiệu “Khoa Học” mà theo

ông Thảo, tính “Tùy Tiện” còn cao hơn Ký Hiệu của ngôn ngữ thông thường” ?

+ De Saussure có lẽ sẽ trả lời như sau: các Ký Hiệu Khoa Học là đối tượng của Lý Trí. Trái lại , Ký Hiệu của ngôn ngữ thông thường là đối tượng của VÔ THỨC nhiều hơn là của Lý Trí. Đó là lý do tại sao “ngôn ngữ” Khoa Học KHÔNG được chọn.

- Câu thứ hai là “Tại sao không chọn hệ thống các Ký Hiệu “Tự Nhiên” (=”signe naturel”) hay “Bán Tự Nhiên” vì theo ông Thảo, diễn tả tốt hơn Nội Dung Ý Nghĩa của Thức Tại (co lẽ do tính Đa Dạng Phong Phú của nó) mà lại chọn hệ thống các Ký Hiệu “Tùy Tiện” (=”signe arbitraire”) của ngôn ngữ thông thường, mà lại còn giới hạn vào tính duy nhất của nó là khả năng “PHÂN BIỆT một Từ với mọi Từ KHÁC” (nên có lẽ vì vậy mà có “dáng vẻ” Nghèo Nàn, Khô Khan chẳng ? )

+ Câu trả lời của De Saussure có lẽ sẽ như sau:

Ký Hiệu “Tùy Tiện” (=” signe arbitraire) như thí dụ cái “Nhà” có thể kêu là “ốc”, là “thất” là “house” chẳng hạn có lý nào bắt phải gọi như thế cái gọi là “nhà” chỉ là một ước định công cộng. Vì là ước định “Ngoại Lý” nên KHÔNG thuộc phạm vi Ý Thức (của Lý Trí) , mà thuộc phạm vi nằm ngầm của VÔ THỨC. “khách quan”, nên Lý Trí “chủ quan” không hiểu nổi do đó mới gọi là “Tùy Tiện”. Đó là nét đặc trưng thứ nhất của Cơ Cấu.

Nét đặc trưng thứ hai là Cơ Cấu KHÔNG nhắm vào các Hạn Từ riêng lẻ mà vào LIÊN HỆ giữa các Hạn Từ mà nguyên tắc Nền Tảng trong Ký Hiệu học ngôn ngữ là khả năng “Phân Biệt một Từ Ngữ với mọi Từ Ngữ KHÁC”.Mới nhìn qua bên ngoài thì có vẻ “nghèo nàn, khô khan,” nhưng đó mới chính là “Luật Tắc” của cõi Vô Thức nên đạt được PHÔ BIẾN Tính. Bằng chứng là Cơ Cấu Luận đã được áp dụng trong mọi lãnh vực như vừa bàn ở trên.

Trái lại, các Ký Hiệu ‘Tự Nhiên’ (= “signe naturel”) hay “Bán Tự Nhiên” trong hệ thống mà ông Thảo đề nghị, mới nhìn qua có vẻ “Đa Dạng, Phong Phú”, có “Nội Dung, Ý Nghĩa ” vì lẽ dễ hiểu là Lý Trí “chủ quan” của con người có thể hiểu được, nhưng cũng vì vậy mà hệ thống bị hạn chế trong thời gian, không gian, THIẾU “Phổ Biến Tính” nên KHÔNG trở thành ‘Luật Tắc’ để có thể áp dụng trong mọi lãnh vực được như hệ thống Ký Hiệu ngôn ngữ “Tùy Tiện” của Ferdinand De Saussure đã làm đổi với phong trào Cơ Cấu Luận.

Điều trên giải thích tại sao Cơ Cấu Luận THÀNH CÔNG mà Trần Đức Thảo thì KHÔNG !!!

Ngoài ra, có lẽ vì Trần Đức Thảo KHÔNG biết gì nhiều về Triết Học Đông Phương nên đưa ra rất nhiều “Thắc Mắc” đối với “Luật Tắc” chi phối hệ thống các Ký Hiệu “Tùy Tiện” (= “signe arbitraire”) của De Saussure. Lý do là “Luật Tắc” của De Saussure rất Tương Tự với “Luật ÂM-DƯƠNG” của Dịch Lý, cũng nhấn mạnh đến TƯƠNG QUAN giữa hai Hạn Từ “Âm” và “ Dương” hơn là “nội dung” của các Hạn Từ này . Lý do là tùy hoàn cảnh, nơi chốn, “nội dung” của Hạn Từ luôn luôn thay đổi: do đó, có khi “Âm” là “Tối”, “Dương” là “Sáng”, khi khác “Âm” là “Mềm”, “Dương” là “Cứng”, hoặc “Âm” là “Vô Thức”, “Dương” là “Ý Thức”.....vvv.....

Thật ra, NHO GIÁO với các Cơ Cấu như “Âm-Dương” “Tam Tài”, “Ngũ Hành”.....vvv.....chính là “Ông Tổ ” của CƠ CẤU trước khi xuất hiện phong trào Cơ Cấu Luận (Structuralisme) bên Tây Phương. Đó không phải là “chuyện lạ” vì một trong những sáng lập viên của Cơ Cấu Luận là Claude Lévi-Strauss đã chịu ảnh hưởng của Nho Giáo qua trung gian của nhà Đông Phương học Marcel Granet.

### **3) “LUẬT TẮC” NGÔN NGỮ HAY “MÔ THỨC” KINH TẾ ?**

Có lẽ vì không hiểu rõ lý do sự hiện hữu của “Luật Tắc” trong “hệ thống” của De Saussure nên Trần Đức Thảo phạm phải một số SAI LÂM khác. Chẳng hạn, theo ông Thảo, lý thuyết về “Giá Trị trong Ngôn Ngữ” của De Saussure tuân theo “Nguyên Lý MÂU THUÃN” chi phối tất cả mọi Giá Trị cách chung., mà theo De Saussure, luôn luôn bao gồm :

- một vật Khác Biệt có thể trao đổi với vật mà trị giá phải được ấn định

- nhiều vật Tương Tự. để so sánh với những vật mà trị giá đang được đặt thành vấn đề

Theo De Saussure, hai yếu tố đó đều cần thiết cho sự hiện hữu của một Trị Giá. Và để cho dễ hiểu, ông đưa ra một thí dụ cụ thể về Tương Quan một mặt giữa Đồng Tiền và Hàng Hóa và mặt khác giữa Đồng Tiền với chính Đồng Tiền như sau:

“ Để xác định Trị Giá của một đồng tiền “5 Francs” chẳng hạn, cần phải biết:

thứ nhất, là có thể trao đổi với một số lượng được xác định của một vật Khác Biệt , thí dụ Bánh Mì

thứ hai, là có thể so sánh Trị Giá của nó với Trị Giá tương tự trong cùng một hệ thống như với một đồng tiền “1 Franc” hoặc một đồng tiền của một hệ thống khác (như “1 Dollar” .....vvv.....)

Một cách Tương Tự trong Ký Hiệu học Ngôn Ngữ ,

- Một “Từ Ngữ” có thể trao đổi với một vật Khác Biệt như một ‘Ý Tưởng’. Ngoài ra, nó cũng có thể được so sánh với một vật cùng bản chất như một “Từ Ngữ” khác.

-Ở đây, De Saussure chỉ muốn đưa ra một thí dụ cụ thể, đơn giản hầu giúp một độc giả bình thường có chút ý niệm về lý thuyết của mình mà thôi, chứ có lẽ không có ý định đi sâu vào môn Kinh Tế

học là lãnh vực không thuộc ngành chuyên môn của ông. Nhưng đầu óc “Ý Thức Hệ MỘT CHIỀU” của Trần Đức Thảo “lợi dụng” tình thế bằng cách lấy thí dụ nêu trên như cái “Có” để “thản nhiên” đi vào lãnh vực KINH TẾ Học, phải chăng cho mục tiêu “Tuyên Truyền” của ông Thảo ? ! Ông Thảo viết:

“ Rõ ràng quan điểm Trị Giá Kinh Tế được tác giả trình bày ở đây là của môn ‘Kinh Tế Chính Trị học “Thông Tục” (ám chỉ hệ thống “Tu Bản”) mà căn cứ trên lời của Marx, là “hình thức Vong Thân trong các tương quan Kinh Tế”, luôn dừng lại ở những hiện tượng giả tạo, trên bình diện của những trao đổi, mà không tự hỏi rằng bằng cách nào các Hàng Hoá, đối tượng của Trao Đổi, được tạo thành.

Nếu tự giới hạn vào các tác động trao đổi, người ta có thể phân biệt 2 loại tương quan:

- Tương Quan hay Trị Giá “Trao Đổi” giữa Đồng Tiền và Hàng Hoá.
- Tương Quan “So Sánh” giữa một loại Đồng Tiền và một loại Đồng Tiền KHÁC

Tuy nhiên, theo ông Thảo, sự phân biệt nêu trên có tính cách giả tạo vì trên thực tế, hai tương quan trên có thể gom lại thành MỘT. Vì cả hai trường hợp đều có thể được hiểu như là sự Trao Đổi giữa Đồng Tiền và Hàng Hoá. Vì lý do Đồng Tiền cũng là một loại “Hàng Hoá”.

Trần Đức Thảo viết tiếp: “ Chính vì dựa trên khuôn mẫu này mà De Saussure đã đưa ra trên bình diện Ngôn Ngữ học, sự Phân Biệt giữa Ý Nghĩa và Giá Trị :

- Tương Quan giữa “Từ Ngữ” và “Ý Tưởng” tức Ý Nghĩa của Từ Ngữ liên hệ , được trình bày như một loại Tương Quan TRAO ĐỔI,

giống như tương quan Trao Đổi giữa Đồng Tiền và Hàng Hóa trong Kinh Tế học như đã đề cập ở trên

- Tương Quan giữa các “Từ Ngữ” với nhau được trình bày như Tương Quan SO SÁNH tương tự tương quan So Sánh giữa các loại Đồng Tiền trong môn Kinh Tế

Và ở đây cũng vậy, hai Tương Quan nêu trên có thể gom lại thành MỘT Vì Tương Quan Giá Trị hay SO SÁNH giữa các “Từ Ngữ” với nhau, có thể được “đồng hóa” hoàn toàn với Tương Quan TRAO ĐỔI giữa “Từ Ngữ” và “Ý Tưởng” vì lý do tương tự như trên là “Từ Ngữ “ có thể được xem như “Từ Ngữ” thuần túy, nhưng có khi “Từ Ngữ” cũng có thể được “đồng hóa” với “Ý Tưởng” tức Ý Nghĩa của chính “Từ Ngữ”: liên hệ!

Tính “Ý Thức Hệ MỘT CHIỀU” của ông Thảo còn được thấy trong lối lý luận của ông về vấn đề nêu trên. Một mặt, ông nhìn nhận rằng các lý thuyết gia Tư Bản tìm cách, như lời của Marx, “đi sâu vào toàn thể thực tại “thân cận” của các tương quan sản xuất” đưa tới việc xác định Trí Giá bằng Lao Động , nhưng theo ông Thảo, vẫn còn bị “giam hãm” trong những hình thức “Trá Ngụy” của các tác động Trao Đổi ở bình diện Lương Bổng được định nghĩa như “ Giá Tiền cho mục tiêu “mua bán” Lao Động” (=”prix du travail”) với những “Mâu Thuẫn không gỡ ra được” !

Và “lẽ dĩ nhiên”, với Trần Đức Thảo, “chỉ có Karl Marx, bằng sự phân biệt rõ ràng giữa hiện tượng Giả Tạo và thực tại Thâm Sâu của các Sự Vật, mới có thể vượt qua được các Ảo Tưởng của các hình thái Trao Đổi cũng như tìm ra “Luật Tắc Nội Tại” trong Lao Động Xã Hội để sản xuất ra những Hàng Hóa cho mục tiêu Trao Đổi trong đó phải kể đến sức Lao Động của giai cấp Công Nhân” !

Hệ quả là khoa Ký Hiệu học, nếu muốn tìm một “Khuôn Mẫu” trong lãnh vực Kinh Tế học, “lẽ dĩ nhiên” theo ông Thảo KHÔNG phải trong môn Kinh Tế Chính Trị Thông Tục (tức “Tư Bản), mà trong môn Kinh Tế học Mác-Xít !

Vấn đề trong Ký Hiệu học ngôn ngữ, theo ông Thảo, là giải thích Tác Động có tính cách Giả Tạo của các trao đổi Ký Hiệu “Tùy Tiện” (=”signe arbitraire”) bằng tác động Thâm Sâu của Sản Xuất Xã Hội mà nội dung các Ý Nghĩa Nền Tảng một mặt phản ánh sự Thực Hành trên bình diện Xã Hội cũng như Thực Tại Khách Quan của thế giới bên ngoài, và mặt khác được xác định bởi hệ thống các Ký Hiệu “Tự Nhiên” (=”signe naturel”).

Tóm lại, theo Trần Đức Thảo, bằng những cách thức nêu trên, tính “Biện Chứng” trong Ký Hiệu học mới phản ánh đúng đắn Biện Chứng trong Thực Tại Lịch Sử qua trung gian của hệ thống các Ký Hiệu “Tự Nhiên”(=”signe naturel”) mà vai trò là sắp xếp, “tổ chức” lại các Ý Nghĩa của Thực Hành Xã Hội tuy có tính Nền Tảng về mặt Nội Dung nhưng vẫn còn có vẻ “lộn xộn” về mặt Hình Thức.

Chính ở giai đoạn này mà theo ông Thảo, hệ thống các Ký Hiệu “Tùy Tiện” có thể “được phép” tiếp tục hệ thống các Ký Hiệu “Tự Nhiên, để mang lại về mặt Hình Thức tính Hợp Lý, Hệ Thống..... cần thiết để đẩy xa hơn nữa về phía Tương Lai, tiến trình” Biện Chứng” về cả hai mặt Xã Hội và Thực Tại Khách Quan.

## **PHÊ BÌNH 2**

- Một lần nữa, tính Chủ Quan, “Ý Thức Hệ MỘT CHIỀU” của Trần Đức Thảo được bộc lộ qua việc ông Thảo , bất chấp sự mong muốn của người Đối Diện, ở đây Ferdinand De Saussure, lấy một cái ‘Cớ’ không chính đáng để “ép” ông này vào vòng tranh luận ở địa hạt Kinh Tế học không phải là ngành chuyên môn của De Saussure!

- Thứ hai, ông Thảo vẫn nghĩ rằng hệ thống các Ký Hiệu “Tự Nhiên” (=”signe naturel”) phản ánh tốt hơn hệ thống các Ký Hiệu “Tùy Tiện” (=”signe arbitraire”) của De Saussure, Thực Tại mà ông Thảo hiểu là thế giới hiện tượng bên ngoài được phản ánh qua

Ý Thức cá nhân, một quan điểm hoàn toàn trái ngược với chủ trương của các nhà Cơ Cấu quan niệm Thực tại là cõi VÔ THỨC nơi đây hệ thống các Ký Hiệu “Tùy Tiện” (=”signe arbitraire”) của De Saussure thích hợp hơn vì những lý do đã được trình bày ở phần trên.

- Ngoài ra, Trần Đức Thảo hình như có khuynh hướng đi NGƯỢC CHIỀU với đường hướng Tiến Hóa chung trong Văn Hóa Triết Học. Chẳng hạn, trong Triết Học, người ta đi từ Triết Học CỔ ĐIỂN với cuộc Xung Đột triền miên giữa hai phe Duy Tâm và Duy Vật để tiến tới các phong trào HIỆN SINH, HIỆN TƯỢNG LUẬN.....và còn tiếp tục xa hơn nữa trong Tương Lai. Ông Thảo trái lại, từ Hiện Tượng Luận Husserl lại đi NGƯỢC CHIỀU trở lại với cuộc Xung Đột đã lỗi thời giữa Duy Tâm và Duy Vật của Triết Cổ Điển..

-Chưa Hết, trong lãnh vực KÝ HIỆU Học (Sémiologie), sở dĩ người ta chọn Ngôn Ngữ học “ vì Ngôn Ngữ là thực thể riêng biệt nhất của con người cũng như ngã ba mà mọi ngành học phải đi qua. Ngoài ra có một điểm may mắn là Ngữ Học đã trở thành khoa học xác thiết đến độ có thể dùng làm mẫu mực cho các khoa khác và được sự đồng ý của nhiều người nghiên cứu hơn hết”. Và điểm quan trọng hơn cả là vì Ngôn Ngữ phản ảnh tốt nhất Thực Tại là cõi VÔ THỨC nên đạt được PHỔ BIẾN Tính

Trong khi đó, ông Thảo lại muốn “ép” De Saussure “rời bỏ” Ngôn Ngữ học để “ghé sang” lãnh vực Kinh Tế học. Mà không biết rằng sở dĩ môn Kinh Tế không được chọn là vì Thiếu ‘Phổ Biến Tính’: lý do là “những kế hoạch Kinh Tế đã thành công ở nơi này không hẳn sẽ dùng được cho nơi khác”.

Thí dụ điển hình về vấn đề nêu trên liên quan đến thuyết Mác-Xít vừa có khía cạnh Xã Hội lẫn KINH TẾ. Thuyết Mác-Xít là một Ý Thức Hệ phản ảnh Thực Tại của xã hội và nền Kinh Tế Tây Phương của thế kỷ 19, mà vì không được “cập nhật hóa với các Thực Tế của thế kỷ 20 nên đã gặp THẤT BẠI !

#### **4) “HIỆN TƯỢNG LUẬN” HAY “DUY VẬT BIÊN CHỨNG” ?**

Phân trình bày trên cho thấy có lẽ Trần Đức Thảo vì đã HIỂU SAI Ferdinand De Saussure nên không lượng định được bản chất và tầm Quan Trọng Khám Phá của De Saussure về Phương Pháp cùng với Hệ Thống Ký Hiệu học ngôn ngữ cũng như tầm Ảnh Hưởng mà De Saussure đã có đối với các Trào Lưu Văn Hóa và Triết Học đương thời, nhất là Cơ Cấu Luận.

Như đã nói ở trên, tất cả sự Khác Biệt nằm ở yếu tố VÔ THỨC làm Nền Tảng cho hệ thống Ký Hiệu của De Saussure cũng như Cơ Cấu luận, nhưng lại vắng bóng trong các bài viết của Trần Đức Thảo. Vào thời điểm các thập niên 1960, 1970 lẽ dĩ nhiên ông Thảo đã có nghe nói tới các khám phá về Phân Tâm Học cũng như về các thuyết Tương Đối và Lượng Tử. Nhưng cũng như nhiều nhà nghiên cứu Triết Học hay Triết Gia Tây Phương khác, các khám phá đó không được đem vào lãnh vực Triết Học. Có thể trong tác phẩm thứ hai của ông Thảo với tựa đề “Recherches sur l’Origine du Langage et de la Conscience”, ông Thảo có cơ hội bàn một chút về vai trò của Bản Năng, nhưng khác với Cơ Cấu luận chẳng hạn, VÔ THỨC chưa bao giờ là Nền Tảng Chỉ Đạo trong các lập luận của ông Thảo nhất là “Vô Thức Cộng Thông” (Inconscient Collectif) của Carl Jung mà nét đặc trưng là tính chất ĐỘC LẬP đối với Ý Thức Cá Nhân.

Nguyên nhân của điều Thiếu Sót trên nằm trước tiên ở chính bản chất của Triết Cổ Điển Tây Phương, “nhất là Tư Duy MỘT CHIỀU của Pháp mà cột trụ là câu “Tôi Suy Tư (nên tôi hiện hữu)” = “Cogito ergo sum”) của Descartes, một thứ Suy Tư DUY LÝ hạn hẹp nên cắt đứt mọi Tương Quan giữa Con Người với Vũ Trụ. Vì thế, C.Lévi-Strauss đã có lý để gọi “Cogito” của Descartes là “Kẻ Thù Bí Nhiệm” chống phá mọi Khoa Học Nhân Văn. Nó bít lối thông sang với cõi VÔ THỨC tức là ngăn đường tiến vào đất đứng chung rất thuận lợi cho sự Hiểu Nhau giữa loài Người”. (38)

Thêm một lý do nữa là người Mác-Xít còn có tính MỘT CHIỀU Cực Đoan nhiều hơn nữa , cho nên không lạ gì việc Trần Đức Thảo cứ “khư khư ôm chặt ” lấy “Duy Vật Biện Chứng”, đồng thời “từ bỏ” Hiện Tượng Luận (mà một thời ông “ôm ấp”), tuy chưa phải là một chủ trương hoàn hảo, nhưng so với thuyết “Mác-Xít” đã là một Bước Tiến đáng kể. Lý do là TRIẾT HỌC Chân Thực, muốn được gọi là một nền “Nhân Bản Toàn Diện”, hay là ‘Bà Chúa của các Khoa Học’ thì phải có thái độ KHÁC với Trần Đức Thảo, tức phải chứng tỏ khả năng THẬU HÓA được các Khám Phá của KHOA HỌC Đương Thời.

Tóm lại, từ “Triết Lý ĐỐI VẬT “ của phái Cổ Điển, Kant đã làm một cuộc ‘Cách Mạng CHỦ THỂ’ bằng khám phá về “Sự Vật Tự Thân” (=Noumen”) và các Phạm Trù “TIÊN THIÊN Tiên Nghiệm (-“Transcendental Categories”), nhưng điều đáng tiếc là Kant dừng lại trước thêm của “Sự Vật Tự Thân” (=“Noumen”) vì cho là ‘Bất Khả Tri’.

Đi tiếp con đường của Kant với Ý Thức “Ý Hướng Tính” và bằng phương pháp “Giảm Trừ Hiện Tượng Luận” (=“phenomenal reduction”) nhằm “đóng vào dấu ngoặc” thế giới bên ngoài, Husserl nhấn mạnh đến việc đặt Ý Thức Thuần Túy (=“pure conscience?) trước Kinh Nghiệm SỐNG theo các Tiêu Chuẩn TIÊN THIÊN

Heidegger tiếp tục Husserl bằng con đường từ Chủ Tri tới “Triết Lý bằng ĐỘNG TỪ” và hành trình tiến vào VÔ THỨC, là Tiên Đường của TÂM LINH, bằng khám phá về ‘Trí Tưởng Tượng TIÊN NGHIỆM (=“ Trancendental Imagination”= ” từ ngữ” của Kant nhưng “nội dung” của Heidegger) một khái niệm của Triết Tây Phương cận đại có lẽ gần nhất với cái TÂM của Triết Đông Phương.

Trần Đức Thảo thay vì đi tiếp con đường của Husserl như Heidegger đã làm, thì LÙI LẠI bằng cách trở về với ‘Duy vật Biện Chứng’ và cuộc “Xung đột Ý Thức Hệ”. Thật vậy, mở đầu phần

hai của bài viết “De la Phénoménologie à la Dialectique Matérialiste de la Conscience”, ông Thảo đặt ngay Định Đề (Postulate) của “Duy Vật Biện Chứng” như sau.

“Tương Quan giữa “Ý Thức và Đối Tượng” “nắm bắt” ĐỐI VẬT tức Đối Tượng THỰC bao gồm thế giới bên ngoài như là Thức Tại Khách Quan hiện hữu bên ngoài và độc lập đối với Ý Thức, nói cách khác bên ngoài và độc lập đối với các Cảm Xúc về Thức Tại [với Thức Tại như là “đã có sẵn đó rồi” (=”donné”)].

Trần Đức Thảo cho rằng cần phải có 3 Hạn Từ sau đây để đáp ứng với các điều kiện của “Duy Vật Biện Chứng”:

- “Thức Tại Khách Quan”, hay thế giới Vật Chất bên ngoài
- Cảm Xúc của chúng ta là hình ảnh “cảm được” trong đó “thức tại khách quan” “đã có sẵn đó”.
- “Chúng ta” hay “con người” tức Chủ Thể Nhận Thức “cuu mang” các cảm xúc hay hình ảnh “cảm được” trong đó “thức tại khách quan” “đã có sẵn đó”.

Cũng theo ông Thảo, có 3 loại Tương Quan được xây đắp trên 3 Hạn Từ nêu trên:

- tương quan “hiện hữu” giữa “thức tại khách quan” và “chủ thể nhận thức” mà “thức tại khách quan” “đã có sẵn” trong các cảm xúc của “chủ thể nhận thức”
- tương quan “thuộc về” giữa “chủ thể nhận thức” và các cảm xúc của “nó”
- tương quan “phù hợp” giữa cảm xúc và “thức tại khách quan” mà cảm xúc là “hình ảnh”

Và chính Tác Động tổng quát của 3 loại tương quan nêu trên định nghĩa ‘Duy Vật Biện Chứng’ theo cách thức mà ông Thảo hiểu là

mối Tương Quan “thực sự Sống Động” giữa Ý Thức và Đối Vật tức là “Thực tại Khách quan” mà con người “được ban cho đó” qua Cảm Xúc của nó và cũng là “Hình Ảnh” của “Thực Tại Khách Quan”.

Ông Thảo đồng thời “phán tiếp”: “Đối với phe ‘Duy tâm’ thì 3 Hạn Từ nêu trên bị giản lược xuống còn 2 : vì thế giới như thực thể bên ngoài Ý Thức bị phe “Duy Tâm” “tái tạo” lại thành một” tập hợp các Cảm Xúc” hay các hình ảnh “cảm được” và được xem như là “Sự Kiện Nội Tại”.

Và Trần Đức Thảo có nhận xét rằng Husserl đã nâng cao lời Suy Tư “Chủ Quan” cũng còn được gọi là “Hiện Tượng Luận” đạt được trình độ Cao Cấp về mặt nghệ thuật biện luận như sau: ” Không chối bỏ sự hiện hữu của đối tượng Thực mà Ý Thức hướng tới, Husserl để riêng ra một bên để chỉ chú trọng đến Kinh Nghiệm Sống Nội Tại như là cái “đã có sẵn đó” duy nhất. Ngoài ra, có hai thời điểm trong phương pháp của Husserl:

- thời điểm của Chủ Thể với các tác động sống thực gọi là “Noësis”

- thời điểm của Chủ Thể với Vật được hướng tới như đối tượng của Ý Thức “ý hướng tính” gọi là “Noëma”

Nhưng theo ông Thảo, trong diễn trình phân tích “Hiện Tượng Luận” , “Vật” bên ngoài “thực sự được hướng tới” chỉ còn là “Vật được hướng tới” như là “vật được hướng tới” mà thôi, tức chỉ là đối tượng của Ý Thức và cũng chỉ là Hình Ảnh của “Vật bên ngoài THỰC SỰ được hướng tới” lẽ dĩ nhiên theo chủ trương của Trần Đức Thảo! Đó là lý do ông Thảo “cáo buộc” Husserl là đã “cắt hoạn và bóp méo” Tương Quan THỰC SỰ Sống Động giữa Ý Thức với Đối Vật mà theo ông phải dựa trên 3 Hạn Từ (như ông Thảo chủ trương ở trên) nhưng với Husserl chỉ còn lại 2 Hạn Từ mà thôi ( cũng đã nói ở trên) Ngoài ra, từ ngữ “Đối Tượng” mà Husserl dùng để chỉ các “Hình thái liên kết TIÊN THIÊN” đối

với ông Thảo chỉ có nghĩa là “thay thế một đối tượng THỰC “ bằng “một tập hợp Cảm Xúc” mà thôi !

Ông Thảo còn cho rằng sự miêu tả kinh nghiệm Sống Thực không phù hợp với phương pháp “Hiện Tượng Luận” cũng như mọi Phương pháp “Chủ Quan” cách chung. Đó là lý do ông Thảo cảm thấy là vô ích dự định trước kia của ông nhằm xoá bỏ yếu tố “Duy Tâm” trong lý thuyết của Husserl nhưng đồng thời vẫn giữ lại phương pháp “Hiện Tượng Luận” bằng cách “thâu hóa” nó vào “Biện Chứng Duy Vật” như là phương pháp miêu tả Kinh Nghiệm Sống.

Do đó, ông Thảo kết luận rằng công việc phân tích Kinh Nghiệm SỐNG chỉ có thể thực hiện một cách đúng đắn bằng một phương pháp Khách Quan qua việc áp dụng “Duy Vật Biện Chứng”. Câu hỏi được đặt ra ở đây là Trần Đức Thảo đã thực hiện như thế nào công việc nêu trên ?

Trước khi bắt tay vào việc, Trần Đức Thảo lập lại một cách “Giáo Điều” và MỘT CHIỀU, theo kiểu đọc ‘Kinh Nhật Tụng’ trong các Tôn Giáo, các “lời Vàng Ngọc” của các “Giáo Chủ” Marx và Lénine định nghĩa “Duy Vật Biện Chứng ” là gì ?

“Duy Vật Biện Chứng” là sự “Mô Phỏng trên bình diện Ý Tưởng, đời sống Vật Chất (Marx), hoặc “Phản Ảnh chính xác cuộc Tiến Hóa của Vũ Trụ” cùng với “Biện Chứng THỰC SỰ của chính Sự Vật”.(Lénine). Do đó, việc áp dụng các nguyên tắc nêu trên vào việc xây dựng” lý thuyết về Ý Thức” cũng có nghĩa là Mô Phỏng chính xác tác động Biện Chứng của Thực Tại qua đó khởi đầu từ các tương quan Vật Chất giữa Con Người và Thế Giới cũng như từ sự Thực Hành trên bình diện Xã Hội, sẽ hình thành với 3 môi liên hệ nền tảng vừa đề cập ở trên, Tương Quan Sống Động của Ý Thức qua trung gian của các Cảm Xúc của nó với chính Thế Giới bên ngoài”.

Trần Đức Thảo còn trích dẫn De Saussure một lần nữa khi De Saussure cho rằng “Ký Hiệu Ngôn Ngữ liên hệ không phải một “Vật” với một “Tên Gọi” mà một “Khái Niệm” với một “Hình Ảnh” thuộc “Âm Học” (acoustique) không phải âm thanh vật chất mà là “dấu vết Tâm Lý mà âm thanh đó để lại”

Theo ông Thảo, cái “Biểu Đạt” (signifiant) trên bình diện Ý Niệm như là “:dấu vết TÂM LÝ” sống động trong Ý Thức thiết yếu dựa trên một cái “Biểu Đạt” có tính VẬT CHẤT, mà “dấu vết Tâm Lý” nêu trên mô phỏng trên bình diện Ý Niệm. Và cũng theo ông Thảo, bằng chính cái “Biểu Đạt” có tính Vật Chất này mà Ngôn Ngữ “chơi” vai trò Trung Gian giữa sự Thực Hành trên bình diện Xã Hội với đời sống Nội Tâm của Ý Thức.

Đến đây, Trần Đức Thảo trích dẫn câu phát biểu của Marx rằng “Ngôn Ngữ cũng lâu đời như Ý Thức con người” , và vì Marx cho rằng Ngôn Ngữ chính là loại “Ý Thức” có tính thực tế, thực tiễn hiện hữu cho các con người khác , cũng như cho chính tôi”. Do đó theo Marx, Ý Thức khởi thủy là một “Sản Phẩm” Xã Hội

Ông Thảo lý luận rằng nếu hiểu “Ngôn Ngữ” theo nghĩa rộng rãi nhất như là “tác động của các Ký Hiệu” cách chung, và trước tiên qua trung gian của “Cử Chỉ gắn liền với Giọng Nói”, thì một cách nào đó, sự diễn đạt xuất phát từ hình thức VẬT CHẤT của Ký Hiệu , nhất là Ký Hiệu bằng CỬ CHỈ.

Đi đôi với cái “Biểu Đạt” (=”signifiant”) có tính VẬT CHẤT của loại Ký Hiệu gắn liền “Cử Chỉ với Lời Nói”, ông Thảo nghĩ rằng nhất định phải có trên cùng một bình diện cái “được Biểu Đạt” (=”signifié”) thực sự KHÁCH QUAN, chứ không thuộc Ý Thức “chủ quan”.

Ông Thảo lấy thí dụ về đời sống “Đi Săn” của một nhóm người Tiên Sử và lý luận rằng chính Cử Chỉ của một người trong nhóm người nêu trên, CHỈ TRỞ cho người theo sau gần nhất , và người này lại “chỉ trở” cho người theo sau .....vvv....và tiến trình

sẽ tiếp tục cho đến người cuối cùng của nhóm người nêu trên, và tất cả đều hướng việc CHỈ TRỎ vào Đối Tượng là Con Thú, đối tượng của cuộc Săn Bắn. Và cũng theo ông Thảo, kết quả của tất cả hành động nêu trên, đã tạo nên một HÌNH ẢNH với “Ý Hướng Về” (= “Image Tendancielle” ) của một Tác Động đi từ “Chủ Thể” đến “Khách Thể”. Đặc biệt, Cử Chỉ “thăng tấp” của người cuối cùng trong nhóm đó, đi từ “hắn ta” tới “con thú” theo ông Thảo, đã tạo nên Tương Quan đơn sơ nhất giữa “Chủ Thể” và Khách Thể”. Ông Thảo còn cho rằng điều trên có thể áp dụng trong giai đoạn “Từ VƯỜN Lên NGƯỜI” là giai đoạn Tiến Hóa mà trên nguyên tắc CHƯA CÓ Ý THỨC cũng như trong giai đoạn sau đó “giữa những người TIỀN SỬ” với nhau khi Ý THỨC mới bắt đầu “manh nha” !

Và TRUNG THÀNH với đường lối “Chân Chính” của “Bác và Đảng”, Trần Đức Thảo cho rằng cái được gọi là Tác Động Ký Hiệu học VẬT CHẤT qua đó, cái “Biểu Đạt” (=”signifiant”) kết hợp “Cử Chỉ với Lời Nói” có tính Vật Chất, đã tạo ra HÌNH ẢNH với “Ý Hướng Về” (= “image tendancielle) bằng cách “phóng đại” hình ảnh đó lên trên “Vật Thực Sự”. Chưa Hết !!! vì ông Thảo còn cho rằng Tác Động nêu trên xuất hiện như “tầng trên” của sự Thực Hành trên bình diện Xã Hội có tính VẬT CHẤT nơi đây, Tác Động đó thiết yếu xuất phát từ Tiến Trình LAO ĐỘNG cùng với các Tương Quan SẢN XUẤT, mà Tác Động là Biểu Hiệu có tính VẬT CHẤT”.

Ngoài ra, Trần Đức Thảo còn trở lại với lời “Cáo Buộc” rằng Husserl đã “cắt hoạn và bóp méo” Thực Tại vì lý do đã không thực hiện như ông Thảo một “Cú Nhảy” trở về thời Nguyên Thủy khi mà trước tiên con Vượn, sau đó, con Người đầu tiên, mà theo ông Thảo, bằng CỬ CHỈ, như là “Chủ Thể” CHỈ TRỎ vào “Con Thú” như là “Khách Thể” , mà theo ông Thảo là “nguyên nhân” sự “manh nha” của Ý THỨC và NGÔN NGỮ . Trái lại, cũng theo ông Thảo, Husserl dừng lại ở giai đoạn của Ý Thức “Chủ Quan” sau này với những Hình Ảnh “phản chiếu đi phản chiếu lại với

nhau” mà Husserl, cũng theo ông Thảo, “tưởng làm” là “kinh Nghiệm Sống Thực” của Ý Thức với các Tiêu Chuẩn kèm theo của Hiện Tượng Luận là các Phạm Trù “Tiên Thiên Tiên Nghiệm”.(39)

### **PHÊ BÌNH 3**

Qua phần trình bày trên đây , chúng tôi có nhận xét như sau : Trần Đức Thảo có một lẽ lỗi làm việc khá “Kỳ Lạ” đối với một nhà Nghiên Cứu, nhất là trong lãnh vực Triết Học! Ngay khi ở ghế nhà trường như một Học Sinh Trung Học hay một Sinh Viên Đại Học, chúng ta thường được dạy là trước khi Phê Bình một tác giả nào, ta phải cố gắng “nắm bắt” Tư Tưởng Nội Dung của người ấy, hầu tránh bớt tính Chủ Quan khi phê phán, nhất là đối với một tác giả như Ferdinand De Saussure là người mà ông Thảo muốn “vay mượn” Phương Pháp Nghiên Cứu. Mà chúng ta biết là muốn hiểu đúng đắn một Tư Tưởng cũng như một Con Người, cần phải đặt Tư Tưởng hay Con Người đó trong Dòng Văn của chính Lịch Sử Tư Tưởng, hay trong Toàn Thể của chính cuộc đời con người đó . Riêng đối với De Saussure như đã nói ở trên, ông Thảo đã phạm một Lỗi Làm căn bản là “loại bỏ” VÔ THỨC, làm Nền Tảng Chỉ Đạo cho phương pháp và lý thuyết Ngôn Ngữ của De Saussure và cũng là điểm Khởi Đầu của Cơ Cấu Luận.

Đối với Hiện Tượng Luận Husserl cũng vậy! Trần Đức Thảo đã sử dụng công trình Triết Học của Husserl để làm “Luận Án”, nhưng sau khi theo Cộng Sản, và một thời gian đắn đo suy nghĩ, cuối cùng ông Thảo đã hoàn toàn phủ nhận nội dung lẫn phương pháp Tư Tưởng của Husserl , Và từ đó, ông Thảo chỉ đứng từ quan điểm “Duy Vật Biện Chứng” mà thôi, để phê phán Husserl. Nhưng có lẽ cũng vì vậy mà Trần Đức Thảo đã không thực hiện thêm được một bước nào đáng kể về mặt Tư Tưởng Triết Học, ngoài “thành tích được thổi phồng” liên quan đến cuộc Tranh Luận với J.P Sartre.

Đến đây, chúng tôi chợt nhớ đến từ ngữ Pháp “Impasse” (= “Ngõ Cụt”, “Ngõ Bí”) mà Ban Biên Tập của tạp chí “Nouvelle Critique” đã sử dụng để miêu tả tình trạng của ông Thảo sau khi xuất bản tác phẩm “Phénoménologie et Matérialisme Dialectique”(1951), để nói rộng ý nghĩa của từ ngữ nêu trên ra với Toàn Bộ Tác Phẩm của Trần Đức Thảo

Nguyên Nhân chính yếu của “Ngõ Cụt”, hay “Ngõ Bí” có lẽ do tính “Ý THỨC HỆ Một Chiều” mà ông Thảo đã “thừa hưởng” từ nhiều phía, tính MỘT CHIỀU của Duy Niệm Cổ Điển, của Triết Học Pháp kiểu ‘Cogito, ergo sum:’ của Duy Lý Descartes, của “Duy Vật Biện Chứng” kiểu Karl Marx, của Bản Chất Đảng Công Sản Việt Nam.....vvv.....

Ngoài ra, khái niệm “Ý Thức Hệ” khiến chúng tôi liên tưởng đến hai mảnh vải thường được người ta mắc vào ở hai bên thái dương của một con Ngựa để ngăn nó nhìn thấy cảnh vật ở hai bên đường, mà hệ quả là nó chỉ thấy con đường “thẳng tắp” MỘT CHIỀU trước mắt và cứ như vậy mà “Thẳng Tiến”! Nếu một lý thuyết gia Mác-Xít danh tiếng như L.Althusser tìm cách bổ túc “Duy Vật Biện Chứng “ của Marx với Cơ cấu Luận, một tác giả Cộng Sản khác tìm cách liên hệ thuyết Mác-Xít với Phân Tâm Học, thì ông Thảo từ lâu đã TỪ BỎ “giác mộng của tuổi trẻ “ nhằm “kết hợp” Hiện Tượng Luận với “Mác-Xít”!

Thật ra, muốn nắm vững vấn đề, phải đặt Hiện Sinh , Hiện Tượng Luận trong dòng Triết Học Tây Phương, nhất là đối với Triết Cổ Điển mới hiểu tất cả giá trị của các phong trào này. Chúng ta thấy ở phần trên Trần Đức Thảo cứ “lặp đi lặp lại “nhiều lần nhóm chữ “đã có sẵn đó rồi” hay “đã cho sẵn đó rồi” (= “donné” hay “”given”) liên quan đến Thế Giới “Khách Quan” bên ngoài. Đó là dấu vết còn sót lại của “Triết Cổ Điển” ở cả hai khuynh hướng Duy Tâm và Duy Vật Như đã nói ở trên, với định nghĩa của Aristotle, con người” Cổ Điển” sinh sống trong một khoảng Không Gian im lìm , cứng đờ, có khi “máy móc” nữa

(Descartes)... thường xuất hiện như một Thế Giới “ đã có sẵn đó rồi”, “đã ban ra đó rồi”.... Trong đó, con người chỉ đóng một vai trò rất là THỤ ĐỘNG vì bị chi phối bởi những “luật tắc” Trừu Tượng, Cứng Ngắt được thiết lập theo các phạm trù của Sự Vật....Đó là tình trạng của con người “Cổ Điển” bị Hiện Sinh gọi là VONG THÂN. Và đó cũng là thế giới mà ông Thảo muốn chúng ta trở lại với “Duy Vật Biện Chứng” của Karl Marx !

Hiện Sinh chống đối lại cái thế giới của Sự Vật đó và đòi hỏi một Thế Giới cho Con Người làm “bằng xương bằng thịt”, “sống trong không gian”, “sống trong thời gian”“ở đây và bây giờ”....vvv.....với vai trò KHÔNG phải Thụ Động như trong thế giới Sự vật của Triết Cổ Điển, mà trái lại CHỦ ĐỘNG bằng cách tham gia vào việc kiến tạo ra Vũ Trụ, KHÔNG phải hiểu theo nghĩa ĐEN mà theo nghĩa BÓNG trong Văn Hóa, nghĩa là Con Người nắm phần “Xếp Đặt” Vũ Trụ như thế nào để mình làm CHỦ những Ý NGHĨA trong đó.(40)

Còn Hiện Tượng Luận chủ trương “Đặt Vào Ngoặc Đơn” mọi vấn đề Triết Lý là cốt để tránh cái tai nạn bị “nhiên giới hóa” cho những người bám riết vào Ý Niệm Sự Vật. Vì thế mà họ chủ trương phải “Giảm Trừ Triết Học”. =(phenomenal reduction”) giảm trừ lý trí suy luận để thì giờ mà SỐNG mà quan sát Kinh Nghiệm SỐNG vừa xuất hiện trong trình sơ chưa bị lây nhiễm nọc độc của Ý THỨC HỆ . Họ gọi đó là “Trở Lại Với Chính Sự Vật”(=” Zu den sachen selbst”), nghĩa là nhận định Sự Vật lúc vừa xuất hiện trong Kinh Nghiệm SỐNG chưa bị bẻ quặt do triết thuyết, chưa bị trói buộc vào phạm trù, hoặc lên khuôn thành đề án (thématisé) chưa bị tô tạo bởi những ý niệm tiền chế, những định chế ước lệ hay làm cho sự vật bị bẻ quặt, nhưng là Vũ Trụ Trình Nguyên , Uyên Tuyền của Con Người Thực Sự”(41) . Đó là Lý Tưởng của Hiện Tượng Luận, mà lẽ dĩ nhiên , trên thực tế có thể họ chưa đạt được. Nhưng ít nhất Hiện Tượng Luận đã tiến xa hơn nhiều, so với lý thuyết Mác-Xít vẫn còn bị “giam hãm” trong vòng vây MỘT CHIỀU của Ý Thức Hệ!

Riêng Trần Đức Thảo thì “lặp đi lặp lại” nhiều lần là “đã có sẵn đó”, là “đã cho sẵn đó” (=”donné”, “given”) cái thế giới Vật Chất “Khách Quan” bên ngoài thì ở đây xin hỏi ông Thảo rằng có cách nào Tiếp Cận với cái thế giới đó không ? Nếu tiếp cận theo lối “Duy Vật Biện Chứng” mà Marx thường “rêu rao” là có tính “KHOA HỌC” thì Nietzsche cho rằng “ các lý thuyết tự nhận là ‘Khoa Học’ (như ở đây thuyết “Mác-Xít”) KHÔNG có tính chất KHÁCH QUAN như thường được “phô trương”. Theo Nietzsche, đó chỉ là một sự sắp xếp của trí óc con người nhằm đưa ra một lối giải thích cho hợp nhu cầu hiểu biết của mình , về một Vũ Trụ thực ra “phi lý” và “phi cấu trúc” (nếu con người không can thiệp vào để gán cho nó một Ý NGHĨA).

Ngoài ra, nếu như phe Duy Vật chủ trương, Ý THỨC chỉ là “Hình Ảnh”, tức CHỈ phản ảnh một cách “Thụ Động” thế giới VẬT CHẤT bên ngoài thì làm sao giải thích hai thí dụ sau đây:

- Thí dụ thứ nhất liên quan đến một Tai Nạn” vừa mới xảy ra với sự hiện diện của ba nhân chứng và chúng ta nhờ họ kể lại Sự Việc. Nếu Ý THỨC chỉ là Hình Ảnh “Thụ Động” của Thế Giới bên ngoài thì ta phải có ba câu chuyện giống nhau chứ!. Nhưng trên Thực Tế ba câu chuyện thường KHÁC NHAU, có khi rất Khác Nhau nữa!

- Thí dụ thứ hai liên quan đến ba nhà Họa Sĩ được mời VẼ cùng một Cảnh Vật bên ngoài. Nếu thuyết của phe Duy Vật đúng thì ta sẽ có ba Bức Tranh giống nhau y hệt, nhưng trong Thực Tế giống như thí dụ thứ nhất, KHÁC NHAU có khi rất Khác Nhau nữa tùy Tâm Tính cũng như Kinh Nghiệm Sống của mỗi Họa Sĩ !

Nghĩa là trong mọi tình cảnh luôn luôn có yếu tố CHỦ QUAN của con người “xen vào”. Nhưng phe Duy Vật có thể lập luận rằng nội dung của yếu tố “Chủ Quan” nêu trên mà đương sự tưởng lầm là “Của Mình” tức “của một Chủ Thể riêng biệt” , nhưng thực ra, theo chủ trương Duy Vật, , cũng chỉ là “Hình Ảnh” của thế giới Bên Ngoài, nhưng vì được tích lũy lâu ngày, rồi người ta

lại “quên khuấy đi mất” Nguồn Gốc xuất phát nên cứ tưởng là “Của Mình” tức của một “Ý Thức cá nhân” riêng biệt!

Để trả lời, có lẽ phải cần liên hệ vấn nạn nêu trên với các Khám Phá của Freud và Jung trong lãnh vực Tiềm Thức, Vô Thức.

Nói chung, các Kinh Nghiệm của Cá Nhân khi tiếp cận với thế giới bên NGOÀI có thể được xếp vào hai loại: Hữu Thức và Vô Thức. HỮU THỨC khi kinh nghiệm cá nhân còn nằm trong phần Ý Thức, VÔ THỨC khi đương sự đã “quên” đi : điều này có nghĩa là kinh nghiệm nói trên đã “ra khỏi” “màn ảnh” Ý Thức của người đó, để “rơi vào” phần Tiềm Thức cá nhân (“subconscient personnel” của Freud). Tuy nhiên, dầu là Hữu Thức hay không thì các kinh nghiệm “nội tâm” nêu trên cũng thuộc về phần CHỦ QUAN của đương sự.

C. Jung trong khi điều trị các chứng bệnh “Tâm Thần”, sau khi giúp “bệnh nhân” vượt qua phần Ý Thức (conscient) rồi phần Tiềm Thức cá nhân (subconscient) như đã nói ở trên, là những phần vẫn còn nằm trong kinh nghiệm “Chủ Quan” của cá nhân, thì ông “đến” một “vùng xa lạ” với những BIỂU TƯỢNG (Symbole) KHÔNG còn nằm trong Kinh Nghiệm của Cá Nhân nữa, vì đương sự chưa bao giờ thấy những “Vật” hay “gặp” những loại kinh nghiệm đó trong đời mình. Trái lại, khi áp dụng khoa Văn Hóa Tỷ Giảo, thì Jung nhận thấy rằng các Biểu Tượng đó cũng hiện hữu trong các nền Văn Hóa khác ( như Biểu Tượng về “Mandala” chẳng hạn !). Các Biểu Tượng nêu trên được ông gọi là Sơ Nguyên Tượng (Archétype Primordial)

“Vùng lạ” nêu trên sau này được C. Jung đặt tên là Vô Thức Công Thông (Inconscient Collectif). Đây là miền vừa có tính chất CHỦ QUAN vì nằm trong Nội Tâm của đương sự, vừa có tính chất KHÁCH QUAN vì các Sơ Nguyên Tượng không nằm trong kinh nghiệm của Cá Nhân liên hệ. Nói đúng hơn, Vô Thức Công Thông (Inconscient Collectif) với các Sơ Nguyên Tượng (Archétype Primordial) đi kèm giúp VƯỢT QUA vừa thế giới CHỦ

QUAN của Ý THỨC Cá Nhân lẫn thế giới KHÁCH QUAN của SỰ VẬT bên ngoài. Lý do là đây cũng là thế giới KHÁCH QUAN vì không còn thuộc kinh nghiệm cá nhân nữa, nhưng vẫn còn bên trong CON NGƯỜI chứ không phải bên ngoài như Sự Vật. Đó có lẽ là một trong những “lối thoát” cho “thế kẹt” của Văn hóa Tây Phương đối với vấn đề “Khách Quan-Chủ Quan” hay “Duy Vật-Duy Tâm” vậy!

- **KẾT LUẬN ĐOAN MỘT**

Các Khám Phá nêu trên của Freud và Jung soi rọi một ánh sáng Mới Mẻ vào câu nói sau đây của Khổng Tử : “Hợp Ngoại Nội chi Đạo dã”, nghĩa là Lý Tưởng của đời người nằm ở chỗ Kết Hợp được thế giới Vật Chất bên ngoài với thế giới Tâm Linh bên trong của mỗi con người. Liều lượng “kết hợp” do Kinh Định “cung cấp” với công thức “Tham Thiên Lưỡng Địa” tức “3 Trời 2 Đất” hay “3 Tâm Linh 2 Vật Chất”

Trở lại câu chuyện “Đi Săn” mà Trần Đức Thảo bằng hiện tượng “Con Vượn” rồi “Con Người Nguyên Thủy” qua Cử Chỉ như “Chủ Thẻ” CHỈ TRỞ vào “Con Môi” như “Khách Thẻ”, tìm cách giải thích tất cả Nguồn Gốc, nguyên nhân của sự xuất hiện của Ý Thức và Ngôn Ngữ !!!

Nhưng lối Giải Thích của Trần Đức Thảo ĐI NGƯỢC lại với các Khám Phá của Freud và Jung , nơi đây còn có vai trò của TIỀM THỨC, VÔ THỨC , TÂM LINH nữa

Trong thí dụ nêu trên, “Con Vượn” hay “Con Người Nguyên Thủy” có thể “Thấy” dấu CHỈ TRỞ nói trên, nhưng nếu “Con Vượn” không có một chút “Linh Tính”, nếu “Con Người Nguyên Thủy” không có một chút cái gọi là “Thần Thức” hay “Tâm Linh” thì làm sao mà BIẾT, mà NHẬN THỨC được Ý Nghĩa của dấu

hiệu “Chỉ Trỏ” để mà phân biệt được “Chủ Thể” với “Khách Thể” là Nguồn Gốc của Ý THỨC và NGÔN NGỮ ?!

Người xưa mới có câu: “Tâm Bất Tại Thị nhi Bất Kiến, Thính nhi Bất Văn” nghĩa là cái ‘Tâm’ hay cái ‘Thần Thức’ của con người, nếu mà không hiện diện ở đó khi sự kiện xảy ra, thì có “Nhìn” cũng không “Thấy”, có “Nghe” ( được âm thanh) thì cũng không “Nhận Biết” (được Ý Nghĩa)!

Thật vậy, lối phân biệt ‘Duy Tâm’-với “Duy Vật” của Triết Cổ Điển Tây Phương đã LỖI THỜI lắm rồi : đó là Kết Luận của các Lý Thuyết Nhân Văn Tân Tiến nhất ngày nay như Cơ Cấu Luận (Structuralisme), Tư Duy Thống Hợp (Systems Thinhkinh), Phương Pháp Tổng Quan.....vvv.....Và để dẫn chứng qua một Thí Dụ, sau đây là Quan Điểm của ”Tư Duy Thống Hợp” (Systems Thinking) qua lời nhấn nhủ cho cả hai phe “Duy Tâm” và “Duy Vật”, đến từ nhà Vật Lý Học danh tiếng David Bohm. Ông viết “ Chúng tôi xem Tinh Thần và Vật Chất là phụ thuộc lẫn nhau và tương thích với nhau nhưng KHÔNG nối nhau trong tính Nhân Quả. Cả hai đều là sự phản chiếu, ràng buộc lẫn nhau của một THỰC TẠI Cao Hơn: Thực Tại đó KHÔNG phải Vật Chất cũng chẳng phải Ý Thức”.(42) Câu Tuyên Bỏ trên có thể đóng góp vào dự án Xây Dựng một nền NHÂN BẢN TOÀN DIỆN cho cả Nhân Loại trong Tương Lai khi mà Con Người KHÔNG còn gặp Trở Ngại bởi lối nhìn “Ý Thức Hệ MỘT CHIỀU” như Hiện Nay!!!

Vậy mà có người tuyên bố một câu “xanh rờn” rằng: “Duy vật, duy tâm vẫn được bàn cãi bất phân thắng bại cho tới ngày nay”: lý do có lẽ là vì người phát biểu câu trên chưa kịp “Cập Nhật Hóa” vốn Kiến Thức, nhất là lẽ lối Suy Tư của mình chẳng ? , do đó chưa biết rằng ở trình độ CAO CẤP Nhất của Triết Học và Khoa Học ngày nay, lối Phân Biệt “Duy Tâm” với “Duy Vật” đã “HẾT XÀI” từ lâu lắm rồi, tức đã không còn trong “Cuộc Chơi” nữa thì làm sao mà có thể “phán” “Bất Phân Thắng Bại” được nào “ ?!

Để tạm kết thúc, chúng tôi có nhận xét như sau về vấn đề đang bàn cãi: một người Trí Thức “đúng nghĩa” thường có cái nhìn “Cởi Mở” đối với các Khám Phá Mới Mẻ trong Khoa Học hay Triết Học. Riêng Trần Đức Thảo thì có vẻ NGƯỢC LẠI, không biết vì sao hay là vì tất cả các lý do mà chúng tôi đã đề cập ở trên như Tâm Tính, lẽ lối Suy Tư, Môi Trường sinh sống.....vvv.....hợp lại ?

Tuy nhiên, chúng tôi thiết nghĩ rằng Trần Đức Thảo là một trường hợp ‘Đáng Thương’ vì những lý do sau đây:

- Cuối năm 1951, ông Thảo “hăm hở” trở về Việt Nam có lẽ vì nghĩ rằng ông sẽ được chế độ CSVN trọng dụng, nhưng Thực Tế đã chứng minh NGƯỢC LẠI. Thì cũng dễ hiểu thôi ! Chế độ CSVN dựa trên thành phần “Bần Cô Nông” và xem người Trí Thức không bằng “cái đó”, thì làm sao mà Trần Đức Thảo được trọng dụng ?!

- Trí Thức thì bị mưu sát, bạc đãi, đày đọa....thì cuối cùng dưới chế độ CSVN đâu còn mấy người Tài Đức nữa! Do đó, vào giai đoạn gọi là “Cởi Trói” cho đến tận ngày nay, để khỏi mất mặt “bầu cua” với Thiên Hạ, chế độ có nhu cầu “đánh bóng” những ai còn có thể ‘đánh bóng’. Có lẽ vì ông Thảo đã có dịp tranh luận với J.P.Sartre trước khi về nước, nên chế độ “lợi dụng” sự kiện này để thực hiện âm mưu của mình với Trần Đức Thảo ! Mà điểm đáng nói ở đây là hầu hết đều quên đặt câu hỏi rằng Trần Đức Thảo thực sự đã đóng góp được gì ?

Công trình Triết Học của Trần Đức Thảo vốn vẹn chỉ được hai Tác Phẩm: “Phénoménologie et Matérialisme Dialectique” xuất bản năm 1951 và “Recherches sur l’Origine du Langage et de la Conscience” xuất bản năm 1973 dựa trên những Dữ Kiện, Lý Thuyết phần lớn đã LỖI THỜI rồi! Cộng với một số Bài đủ loại viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Pháp đăng ở nước ngoài hay trong nước hoặc thuộc giảng trình cho Sinh Viên Đại Học VN.

Đã vậy mà còn làm “rùm beng” lên Sự Kiện nêu trên một cách Thái Quá ! với những câu tuyên bố “Lố Bịch” như ” “Trần Đức Thảo là nhà hiện tượng học độc nhất đã thành công móc nối được con tàu Hiện tượng học của Kant, của Hegel, của Fichte, Husserl, Heidegger...vào đầu tàu Marx” ?! HOÀN TOÀN SAI VỚI SỰ THẬT : Đúng là “Thủ Thuật” ĐỔI TRẮNG THAY ĐEN”!!!

“Đáng Thương” hơn nữa là cuối cùng chúng ta chỉ còn hy vọng rằng trước khi ông “ra đi”, Trần Đức Thảo đã ý thức được rằng ông đã đi LẦM ĐƯỜNG mà hệ quả Bi Đát nhất là Trần Đức Thảo KHÔNG đóng góp được gì đáng kể cho Dân Tộc, Văn Hóa và Triết Học !

Vì trong bài viết này phần dành cho Trần Đức Thảo cũng đã KHÁ DÀI, do đó các vấn đề về Phụ Thuộc sẽ được bàn trong một bài viết KẾ TIẾP, còn những vấn đề còn lại liên quan đến Trần Đức Thảo sẽ được đề cập trong một bài viết SAU ĐÓ.

**Lê Việt Thường**

**04/04/2010**

### **CHÚ THÍCH**

(1) Charles A. Moore, “Philosophy – East and West”, Princeton University Press, Second Printing, USA, 1946

(2) James Legge, “The Wisdom of Confucius”, Axiom, 2003, tr.5

(3) Kim Định, “Chữ Thời”, Thanh Bình, SG VN, 1970

(4) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Ca Dao, SG, VN, 1975

(4)(5) Kim Định, “Nhân Chủ”, TNQG, Cali, USA tr.57

(4)(6) Kim Định, “Chữ Thời”, Idem

(4)(7) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem

- (4)(8) Kim Định, “Nhân Chủ”, Idem
- (4) (9) Idem
- (4)(10) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem
- (4)(11) Idem
- (4)(12) Idem
- (4)(13) Kim Định, “Chữ Thời”, Idem
- (4)(14) Lê Tôn Nghiêm, “Heidegger Trước Sự Phá Sản của Tư Tưởng Tây Phương”, Lá Bối, SG, 1969, tr.126-131
- (4)(15) Lê Tôn Nghiêm, Idem, tr. 122
- (4)(16) Idem, tr.127
- (4)I(17) dem, tr.132-133
- (4)(18) Mạc Ngọc Pha, “Cách Mệnh Tâm Linh Minh Triết”, (Sách Đang In)
- (4)(19) Kim Định, “Nhân Chủ”, Idem,
- (4)(20) Kim Định, “Chữ Thời”, Idem
- (4)(21) Mạc Ngọc Pha, Idem
- (4)(22) Lê Tôn Nghiêm, Idem tr. 73-75
- (4)(23) [http://www.tinparis.net/vn\\_index.html](http://www.tinparis.net/vn_index.html)
- (4)(24) R.J.Hollingdale, “A Nietzsche Reader”, Penguin Books, 1977, tr.7-11
- (4)(25) [http://www.tinparis.net/vn\\_index.html](http://www.tinparis.net/vn_index.html)

- (4)(26) Kim Định, “Triết Lý Giáo Dục”, Idem
- (4)(27) Kim Định, “Nhân Chủ”, Idem
- (4)(28) dem
- (4)(29) Gill Hands: “Marx”, Hodder & Stoughton, 2000, tr.15-17
- (4)(30) Kim Định, “Dịch Kinh Linh Thể”, An Việt Houston, USA, 1989
- (4)(31) dem
- (4)(32) Lê Tôn Nghiêm, Idem
- (4)(33) Nguyễn Hiến Lê, “Kinh Dịch: Đạo của Người Quân Tử”, tr.76-77
- (4)(34) D.W. Hamlyn, “The Peiguin History of Western Philosophy”, 1987, tr266-271.
- (4)(35) Kim Định, “Dịch Kinh Linh Thể”, Idem
- (4)(36) Trần Đức Thảo, “Nouvelle Critique” “De la Phénoménologie à la Dialectique Matérialiste de la Conscience” (I) no 78-80, 1974, tr.37-42
- (4)[http://www.viet-studies.info/TDThao/TDThao\\_NouvelleCritique.ht](http://www.viet-studies.info/TDThao/TDThao_NouvelleCritique.ht)
- (5) (37)Yvan Simonis, “Claude Lévi-Strauss ou la “Passion de l’Inceste”: Introduction au Structuralisme”, Coll. Recherches, France
- (5)(38) Kim Định, “Cơ Cấu Việt Nho”, Nguồn Sáng, Sài Gòn, 1973, VN

- (5)(39) Trần Đức Thảo, “Nouvelle Critique” “De la Phénoménologie à la Dialectique Matérialiste de la Conscience” (II) no 86, 1975, tr.23-29
- (5)(40) Kim Định, “Nhân Chủ”, Idem,
- (5)(41) Idem
- (5)(42) F. Capra, “The Tao of Physics”, Fontana, London, UK, 1985, tr. 353
- (5)Nguyễn Tường Bách dịch, , “Ñãio của Vaät Lyù”, nxb Treù,SG, VN, 2001 tr.385
- (6) [http://www.viet-studies.info/TDThao/TDThao\\_NouvelleCritique.html](http://www.viet-studies.info/TDThao/TDThao_NouvelleCritique.html)